



**MỠI CÔNG TRÌNH,  
MỘT NIỀM TIN**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**





# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý



## **NỘI DUNG**

### **Thông điệp của Chủ Tịch công ty**

#### **I. GIỚI THIỆU CÔNG TY**

Thông tin khái quát  
Lĩnh vực hoạt động  
Lịch sử hình thành và phát triển  
Những sản phẩm tiêu biểu  
Sơ đồ tổ chức  
Mục tiêu và định hướng tương lai  
Rủi ro

#### **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Thông tin cổ đông

#### **III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý  
Kế hoạch phát triển tương lai

#### **IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty  
Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc  
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

#### **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012**



## Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Thép Dana Ý.

Năm 2012 là năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Thị trường bất động sản và xây dựng đóng băng, nợ xấu ngân hàng tăng cao, tín dụng ngưng trệ, thị trường chứng khoán có biến động khó lường. Những khó khăn đó đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình đầu tư của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý.

Trong hoàn cảnh đó, Ban lãnh đạo của Công ty đã thể hiện tinh thần đoàn kết, chủ động trước những khó khăn, giúp Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý có doanh thu tăng trưởng tốt, nâng cao giá trị đầu tư của cổ đông, trong năm tài chính 2012.

Trong khi nhiều doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép phải hoạt động cầm chừng hoặc thu hẹp quy mô, thì Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý vẫn phát triển được thị trường, tăng cường sự hiện diện thương hiệu tại miền Trung và Tây Nguyên. Doanh thu của Công ty năm 2012 tăng trưởng hơn 16%, là mức tăng trưởng vượt trội trong ngành thép xây dựng trong năm 2012. Đó là một thành công đáng kể của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý, là thành quả của những nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV.

Lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép xây dựng. Sự khó khăn của thị trường xây dựng và bất động sản khiến nhu cầu thép sụt giảm, giá bán không tăng trong khi chi phí nguyên liệu, năng lượng tăng cao khiến lợi nhuận của Công ty không được hoàn thành theo kế hoạch.

Năm 2013, chúng tôi nhận định nền kinh tế vẫn còn rất nhiều những khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, chúng tôi tin tưởng rằng sẽ có những cơ hội lớn dành cho những doanh nghiệp có tầm nhìn xa, biết nắm bắt thời cơ.

Với việc hoạch định chiến lược dài hạn phù hợp với tình hình kinh doanh tại miền Trung và các tỉnh Tây Nguyên, Ban lãnh đạo Công ty và tập thể CBCNV sẽ đồng lòng nhất trí, cố gắng quyết tâm nâng cao hiệu quả kinh doanh hơn nữa, tăng trưởng lợi nhuận, mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông. Chúng tôi tin tưởng 2013 sẽ tiếp tục là năm thành công của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty, kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý.

**Trân trọng!**  
**Chủ tịch**  
**Huỳnh Văn Tân**

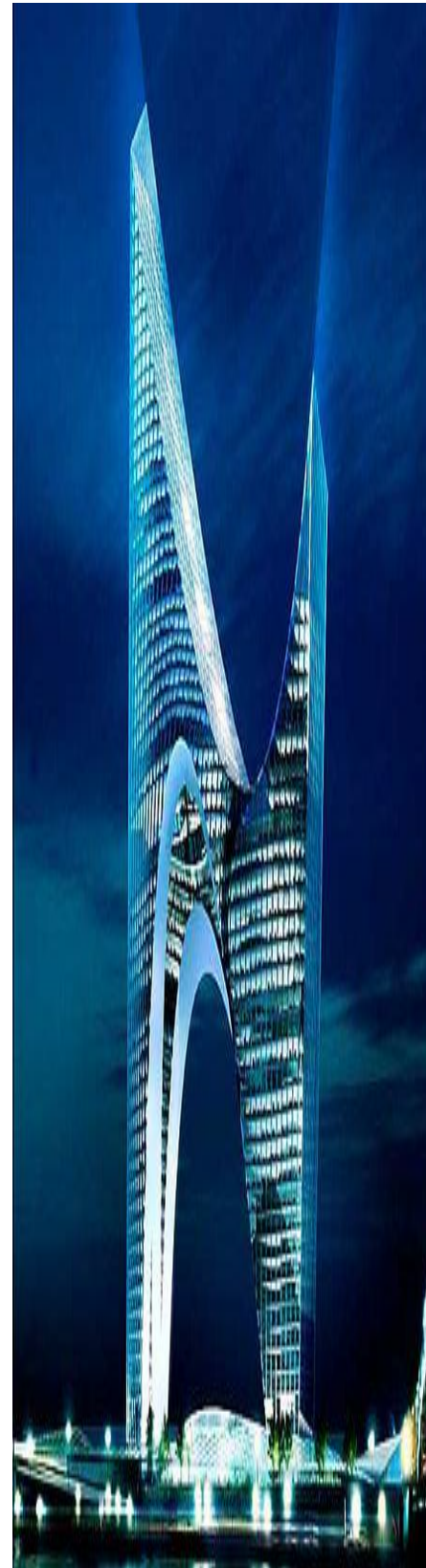
## I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Lĩnh vực hoạt động
- ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
- ❖ Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu
- ❖ Sơ đồ tổ chức
- ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
- ❖ Rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý
Tên tiếng Anh	DANA – Y STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	Công ty CP Thép Dana - Ý
Logo	
Vốn điều lệ	200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn)
Trụ sở chính	Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	0511 3 841 182 – 3 841 000
Fax	0511. 3 730 718
Website	<a href="http://www.thepdana-y.com">http://www.thepdana-y.com</a>
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 0400605391 (số cũ 3203001911) đăng ký lần đầu ngày ngày 27/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 06 ngày 22/01/2010.





- Sản xuất các loại thép xây dựng



- Kinh doanh sắt thép



- Kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp



- Gia công cơ khí



Lĩnh vực hoạt động



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**2008**

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý là một phần của Công ty Cổ phần thép Thành Lợi. Năm 2008, Công ty Cổ phần thép Thành Lợi quyết định chuyển cơ sở sản xuất thép số 4 để thành lập Công ty Cổ phần thép Đà Nẵng - Ý.

Tại thời điểm thành lập Công ty có vốn điều lệ là 150 tỷ đồng với sự tham gia góp vốn thành lập của 87 nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

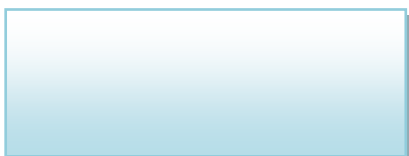
**2010**

Công ty đã trở thành công ty đại chúng và được Ủy Ban chứng khoán nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng kể từ ngày 22/02/2010

Cũng trong năm 2010, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý được nâng lên mức 200 tỷ đồng, tạo nền tảng mở rộng quy mô sản xuất, tăng trưởng thị phần.

**2012**

Doanh thu thuần đạt 1.218 tỷ đồng, tăng trưởng 16,9% so với năm 2011, tăng gần 100% so với năm 2009.







## CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

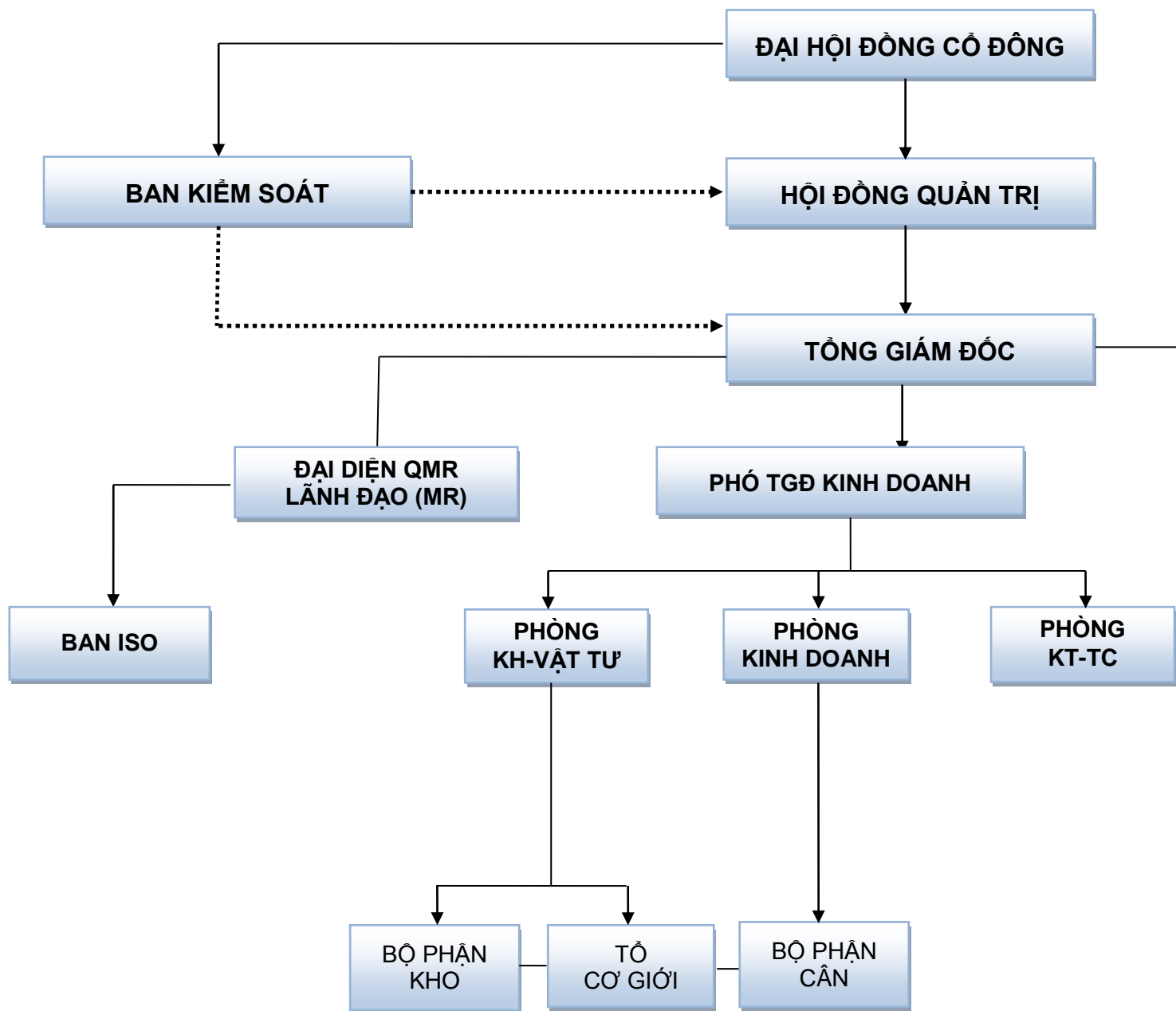
Thép thanh vằn đường kính  
12-36 mm

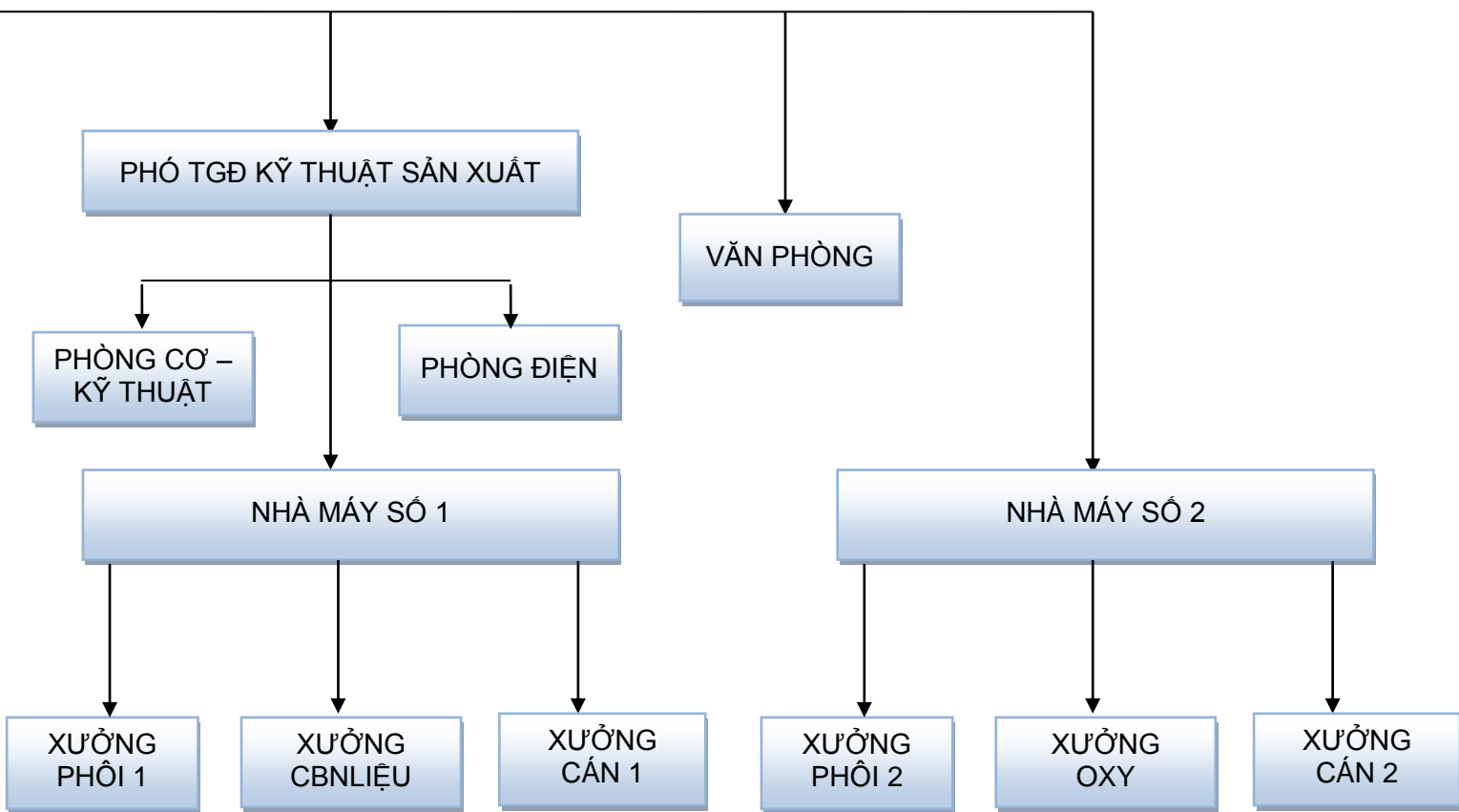


Thép cuộn



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC









## Tầm nhìn

Hướng tới sự phát triển bền vững, xứng đáng là một trong những công ty thép đầu ngành sản xuất thép tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Từng bước mở rộng thị trường miền Bắc và miền Nam, tăng cường xuất khẩu nhằm đa dạng hóa thị trường, phòng ngừa rủi ro trước những biến động của nền kinh tế.

## Sứ mệnh

Cung cấp cho thị trường những sản phẩm thép Dana – Ý chất lượng cao, giá cả hợp lý, mang lại giá trị gia tăng cho đối tác. Tạo việc làm ổn định cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương. Hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.

## Giá trị cốt lõi

Chúng tôi cho rằng sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng là phần thưởng, là giá trị lớn nhất đối với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của chúng tôi trong thời gian qua. Sản phẩm Thép Dana – Ý đã trở thành một phần không thể thiếu trong các Công trình xây dựng.

***Đối với Thép Dana – Ý, mỗi công trình là một niềm tin***



## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực xây dựng và nhu cầu sử dụng các sản phẩm sắt thép. Khi kinh tế tăng trưởng tốt, nhu cầu về xây dựng tăng và làm tăng nhu cầu thép, tăng doanh thu tạo điều kiện cải thiện lợi nhuận cho các doanh nghiệp ngành thép. Khi nền kinh tế suy thoái, nhu cầu thép sụt giảm, doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp thép sụt giảm.

Trong 10 năm gần đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Tốc độ đô thị hóa diễn ra khá nhanh với tỷ lệ đô thị hóa năm 2000 là 24,2%, năm 2005 là 27% và năm 2010 là 30%. Sự tăng trưởng của nền kinh tế thúc đẩy ngành thép phát triển mạnh với sản lượng thép tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2005 - 2010 đạt 15%/năm.

Trong năm 2011 và 2012, Chính phủ thực hiện thắt chặt tiền tệ, cắt giảm chi tiêu công, nền kinh tế gặp khó khăn trong việc duy trì tăng trưởng. Ngành thép gặp nhiều khó khăn do ngành Xây dựng và Bất động sản chịu ảnh hưởng tiêu cực.

Các doanh nghiệp ngành thép thường có chính sách bán hàng trả chậm đối với một số khách hàng. Một số doanh nghiệp có tỷ trọng các khoản phải thu trong tổng tài sản lớn khiến cho các doanh nghiệp có thể mất vốn vì các đối tác mất khả năng thanh toán.

### RỦI RO LUẬT PHÁP

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam luôn luôn thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế; Công ty trở thành một tổ chức kinh doanh trong môi trường pháp lý toàn cầu và buộc phải hoạt động trong môi trường pháp lý quốc tế; sự thay đổi của chính sách, pháp luật trong và ngoài nước luôn có sự ảnh hưởng và tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển của Công ty.

Là một Công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế rủi ro này, Công ty phải chủ động nghiên cứu, nắm bắt sát sao các chủ trương đường lối của Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh cho phù hợp. Bên cạnh đó, trong các hoạt động quản lý và kinh doanh, Công ty đều có tham vấn với các luật sư và các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn để hạn chế tối đa những rủi ro pháp lý.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Trong hoạt động kinh doanh, Công ty sử dụng một lượng vốn vay khá lớn nhằm tài trợ cho các hợp đồng nhập khẩu thép phế liệu và máy móc cho dự án mới. Với đặc điểm này, hoạt động của Công ty chứa đựng những rủi ro tiềm ẩn về tín dụng. Trong điều kiện hiện nay, tình hình lãi suất phức tạp. Lãi suất cao khiến chi phí lãi vay của công ty tăng cao, làm giảm hiệu quả hoạt động. Để giảm rủi ro lãi suất, công ty chủ động giảm thiểu nợ ngắn hạn, trong khi vẫn đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh.

## RỦI RO TỶ GIÁ

Là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép, do phần lớn nguyên vật liệu đầu vào (thép phế liệu) được nhập khẩu tới 70% trong tổng thép phế của Công ty và Công ty thực hiện các mua dây chuyền tăng công suất nhà máy. Các hợp đồng nhập khẩu đều được thanh toán bằng ngoại tệ và nguồn ngoại tệ Công ty có được thông qua việc vay ngân hàng. Do đó, chi phí và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty có thể chịu những tác động đáng kể do sự biến động tỷ giá hối đoái.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn linh hoạt trong việc tính toán, lựa chọn thời điểm nhập khẩu, tồn trữ hàng hoá hợp lý trong mối tương quan với nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như diễn biến của thị trường thép thế giới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã có kế hoạch chủ động cân đối nguồn ngoại tệ phục vụ cho nhập khẩu thép phế và thiết bị máy móc. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì quan hệ, uy tín tốt với các tổ chức tín dụng lớn nên nguồn vốn vay bằng ngoại tệ luôn được đảm bảo và sử dụng linh hoạt.

## RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ

Hiện nay trên thế giới có khá nhiều công nghệ để luyện thép và cán thép. Việc công nghệ thép lạc hậu cũ sẽ dẫn đến chi phí cao giá thành sản phẩm cao dẫn tới khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp bị giảm. Đầu tư công nghệ hợp lý áp dụng những tiến bộ vào mới vào quy trình luyện cũng như cán sẽ là lợi thế lớn trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

Hiện tại với công nghệ của Công ty thép DANA-Ý là một dây chuyền khép kín từ đầu vào là thép phế liệu và đầu ra là thép thành phẩm, nên giá thành cạnh tranh so với các công ty khác.

## RỦI RO BIẾN ĐỘNG NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO

Đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty có nguyên vật liệu chính là thép phế và điện, than,... vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh và công nghệ của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động của giá thép phế trên thị trường và giá bán điện của nhà nước. Giá thép phế liệu biến động và phần lớn lại nhập khẩu từ nước ngoài nên có độ trễ nhất định về thời gian giao hàng nên sẽ ảnh hưởng tới giá cả tại thời điểm giao hàng. Để hạn chế tối đa rủi ro này, ngoài việc tiết kiệm tối đa chi phí mua hàng, Công ty luôn chủ động trong việc nghiên cứu thị trường để cập nhật tình hình biến động giá, trên cơ sở đó lựa chọn thời điểm ký hợp đồng, thời điểm nhập hàng, tính toán lượng hàng tồn kho và xây dựng chính sách giá cả, chính sách bán hàng hợp lý.

Để hạn chế những rủi ro về biến động giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào của Công ty cần tiến hành các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh để nâng cao cạnh tranh của Công ty và giảm thiểu bớt sự biến động của giá nguyên nhiên vật liệu.



## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Thông tin cổ đông



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
<b>Tổng tài sản</b>	1.583.996		1.556.906		102%
<b>Doanh thu thuần</b>	1.218.490	3.453.000	1.042.462	35,2%	117%
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	6.391		52.148		12%
<b>Lợi nhuận khác</b>	6.203		7.678		80,8%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	12.594	159.000	59.826	7,9%	21%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	10.203	139.000	51.783	7,3%	19,7%
<b>Nộp Ngân sách</b>	2.391		8.043		29,7%

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam. Nhu cầu giảm khiến giá Bất động sản giảm sâu trong khi thanh khoản giảm mạnh. Nhiều doanh nghiệp Xây dựng và Bất động sản gặp khó trong việc tiếp cận nguồn vốn Ngân hàng khiến tiến độ nhiều dự án bị chậm hoặc ngừng thi công. Bên cạnh đó, số dự án bị thu hồi giấy phép đầu tư tăng lên do không đáp ứng đủ năng lực tài chính hoặc có sự chậm trễ trong việc triển khai.

Sự suy giảm trong ngành Xây dựng và Bất động sản khiến nhu cầu thép sụt giảm, khiến doanh thu của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý không tăng trưởng như dự kiến. Tuy nhiên, kết thúc năm tài chính 2012, doanh thu của Công ty đạt 1.218 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với năm tài chính 2011. Trong giai đoạn kinh tế gặp khó khăn, doanh

thu năm 2012 của Công ty vẫn tăng trưởng xấp xỉ 17%, là mức cao nhất trong ngành thép xây dựng.

Trong năm 2012, Công ty có chính sách thúc đẩy bán hàng, giảm giá hàng bán nhằm duy trì và phát triển thị trường nên lợi nhuận gộp của Công ty không cao. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm. Lợi nhuận sau thuế đạt 10,2 tỷ đồng, giảm so với năm 2011.

Thị trường chính của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý là các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được duy trì bền vững, sự hiện diện thương hiệu ngày càng được mở rộng, sản phẩm của Công ty đã trở thành một phần không thể thiếu trong các công trình dân sinh. Đó nguyên nhân chính giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng tốt trong năm 2012.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Giới thiệu đội đồng Quản trị

#### **ÔNG HUỲNH VĂN TÂN**

Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Ngành cơ khí

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 5%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007 : Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Dana-Ý, TGD CTCP Thép Thành Lợi
- Từ năm 1991 đến năm 2007 : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Thép Thành Lợi

#### **ÔNG ĐẶNG THANH BÌNH**

Chức vụ: Phó Chủ Tịch HĐQT

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 5,32%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2008 : Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 2007 : Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Đà Nẵng-miền Trung
- Từ năm 2005 đến năm 2007 : Chủ tịch HĐQT CTCP Sài Gòn-Đà Nẵng
- Từ năm 2000 đến năm 2006 : Giám đốc Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng



### **ÔNG HỒ NGHĨA TÍN**

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 1,2%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007 đến năm 2008 : Phó trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất Ban Quản lý Dự án nhà máy Lọc dầu Dung Quất
- Từ năm 1992 đến năm 2006 : Quyền Trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc kinh doanh kiêm phó Ban quản lý dự án đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Thép Đà Nẵng - Bí thư Đảng ủy Công ty thép Đà Nẵng
- Từ năm 1990 đến năm 1992 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng
- Từ năm 1982 đến năm 1989 : Cán bộ giảng dạy Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
- Thành viên HĐQT Công ty PORTSERCO-DN

### **BÀ PHAN THỊ THẢO SƯƠNG**

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 12,25%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2008 : Phó TGD CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 2000 : Công tác tại CTCP Thép Thành Lợi

## **ÔNG NGUYỄN HỮU TOÀN**

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,6%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2009 : Thành viên HĐQT CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 2000 đến năm 2009 : Làm việc tại CTCP Thép Thành Lợi



## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### ÔNG HỒ NGHĨA TÍN

Chức vụ: Thành viên HĐQT  
 Năm sinh: 1957  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy  
 Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 1,2%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007 đến năm 2008 : Phó trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất Ban Quản lý Dự án nhà máy Lọc dầu Dung Quất
- Từ năm 1992 đến năm 2006 : Quyền Trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc kinh doanh kiêm phó Ban quản lý dự án đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Thép Đà Nẵng - Bí thư Đảng ủy Công ty thép Đà Nẵng
- Từ năm 1990 đến năm 1992 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng
- Từ năm 1982 đến năm 1989 : Cán bộ giảng dạy Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
- Thành viên HĐQT Công ty PORTSERCO-DN

### BÀ PHAN THỊ THẢO SƯƠNG

Chức vụ: Thành viên HĐQT  
 Năm sinh: 1965  
 Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng  
 Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 12,25%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2008 : Phó TGD CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 2000 : Công tác tại CTCP Thép Thành Lợi



### **ÔNG NGUYỄN VĂN TẤN**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,18%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2009 : Phó TGD CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 1985 đến năm 2009 : Làm việc tại CTCP Thép Đà Nẵng

### **BÀ TRẦN MAI THỊ BÉ LIỆU**

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2008 : Kế toán trưởng CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 2005 đến năm 2007 : Kế toán trưởng CTCP DANATOL
- Từ năm 2000 đến năm 2005 : Kế toán tổng hợp, Quyền Kế toán trưởng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

### BÀ HUỖNH THỊ LOAN

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát  
 Năm sinh: 1968  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế  
 Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,006%

Quá trình công tác:

- Từ năm 1998 : Trưởng BKS CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 1996 : Kế toán CTCP Đầu tư Thành Lợi

### BÀ TRẦN PHƯỚC HẠ NHI

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát  
 Năm sinh: 1982  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế  
 Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2009 : Trưởng phòng Giao dịch - Chi nhánh Đà Nẵng - CTCP Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội
- Từ năm 2008 : Thành viên BKS CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 2006 đến năm 2009 : CTCP Chứng khoán Đà Nẵng
- Từ năm 2004 đến năm 2006 : Sinh viên trường Columbia Southern University

### ÔNG HUỖNH DUY CƯỜNG

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát  
 Năm sinh: 1980  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán  
 Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2008 : Thư ký HĐQT CTCP Thép Dana-Ý, thành viên BKS CTCP Thép Dana-Ý
- Từ năm 2002 đến năm 2007 : Nhân viên kế toán CTCP Đầu tư Thành Lợi

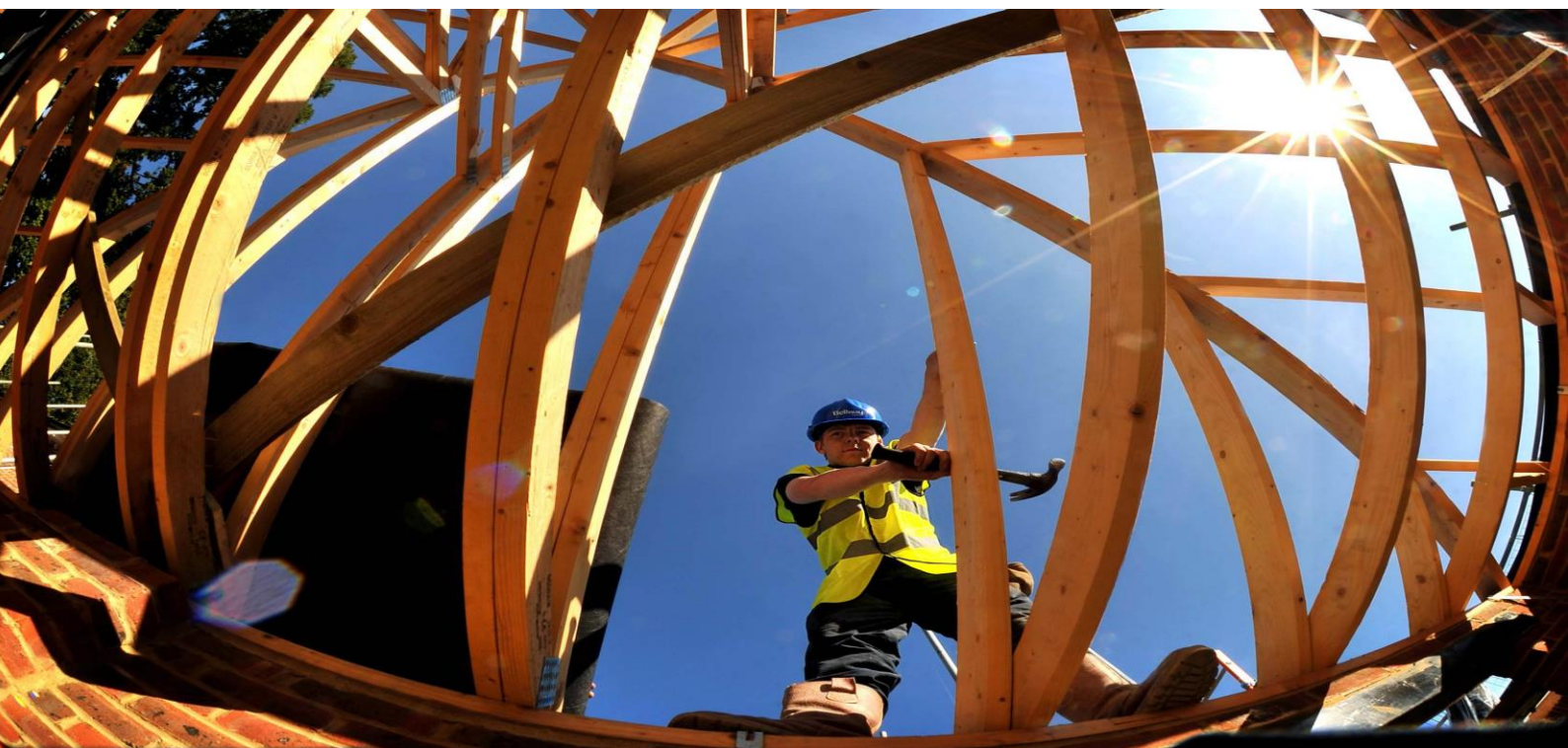


## Thống kê lao động

Phân loại lao động	31.12.2011		31.12.2012	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>	<b>830</b>	<b>100,0%</b>	<b>913</b>	<b>100,0%</b>
Đại học	62	7,5%	70	7,7%
CĐ & TC	280	33,7%	317	34,7%
CN kỹ thuật	300	36,1%	320	35,0%
Lao động phổ thông	188	22,7%	206	22,6%
<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>830</b>	<b>100,0%</b>	<b>913</b>	<b>100,0%</b>
HĐLĐ có thời hạn	778	93,7%	868	95,1%
HĐLĐ thời vụ	52	6,3%	45	4,9%

Năm 2012, lực lượng lao động của Công ty tăng 10% so với năm 2011. Mặc dù tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn khiến nhiều doanh nghiệp cắt giảm lượng nhân công nhưng Dana – Ý vẫn tăng cường lực lượng lao động nhằm phục vụ cho dây chuyền sản xuất mới.

Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng, đào tạo nguồn lực chất lượng, đáp ứng được yêu cầu công tác sản xuất và kinh doanh. Số lượng lao động ở mọi trình độ đều tăng so với năm 2011. Lực lượng lao động theo trình độ đại học, cao đẳng & trung cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông năm 2012 tăng lần lượt 12,9%, 13,2%, 6,7% và 9,6% so với năm 2011.





## Chính sách đối với người lao động

Lực lượng lao động được tuyển dụng công khai, rộng rãi trên cơ sở yêu cầu của công ty, không phân biệt vùng miền và các mối quan hệ; Ưu tiên các ứng viên được đào tạo cơ bản và có kinh nghiệm làm việc trong ngành; Chính sách trả lương, trả thưởng của Công ty gắn liền với năng suất hiệu quả sản xuất chung và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc; Công ty luôn khuyến khích người lao động sáng tạo, thi đua, các sáng kiến hữu ích được nhận phần thưởng xứng đáng theo quy chế chung của Công ty. Hằng năm, nhân các ngày lễ lớn, tết truyền thống v.v... người lao động đều nhận được quà thưởng giá trị, các mức thưởng do HĐQT quyết định.

### Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

### Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công ty áp dụng cơ chế trả lương tương xứng với mức độ cống hiến và năng lực cạnh tranh của cá nhân. Công ty chi trả cho cán bộ công nhân viên mức cao so với các Công ty khác trong cùng ngành cũng như trong khu vực Thành phố Đà Nẵng, đảm bảo ổn định cuộc sống cho cán bộ công nhân viên.

### Chính sách trợ cấp

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở DANA-Ý còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm sinh mạng cho người lao động được Công ty thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được quan tâm.

Ngoài ra, những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức tại Công ty giúp cho toàn thể cán bộ công nhân viên gắn bó với nhau hơn, góp phần tạo nên bản sắc của DANA-Ý, đồng thời nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội ... nhằm xây dựng một tập thể lao động không những giỏi chuyên môn mà còn luôn quan tâm đến xã hội, cộng đồng.

### Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập khá, môi trường làm việc tốt cùng với các chính sách đãi ngộ khác, DANA-Ý đã và đang thu hút được nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao. Các thành viên mới được huấn luyện kỹ về chuyên môn và bản sắc DANA-Ý ngay từ những ngày đầu để phù hợp với Văn hóa Công ty.

DANA-Ý xác định: để tiếp tục tồn tại và phát triển trong quá trình hội nhập, trong khi máy móc thiết bị công nghệ gần như giống nhau giữa các doanh nghiệp thì yếu tố tạo nên sự cạnh tranh

sẽ là con người. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng đầu tư phong trào học tập cho cán bộ công nhân viên nhằm tiếp cận khoa học, công nghệ và tri thức mới.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý Có khoản đầu tư lớn nhất là Dây chuyền luyện cán thép theo Công nghệ hiện đại của Châu Âu

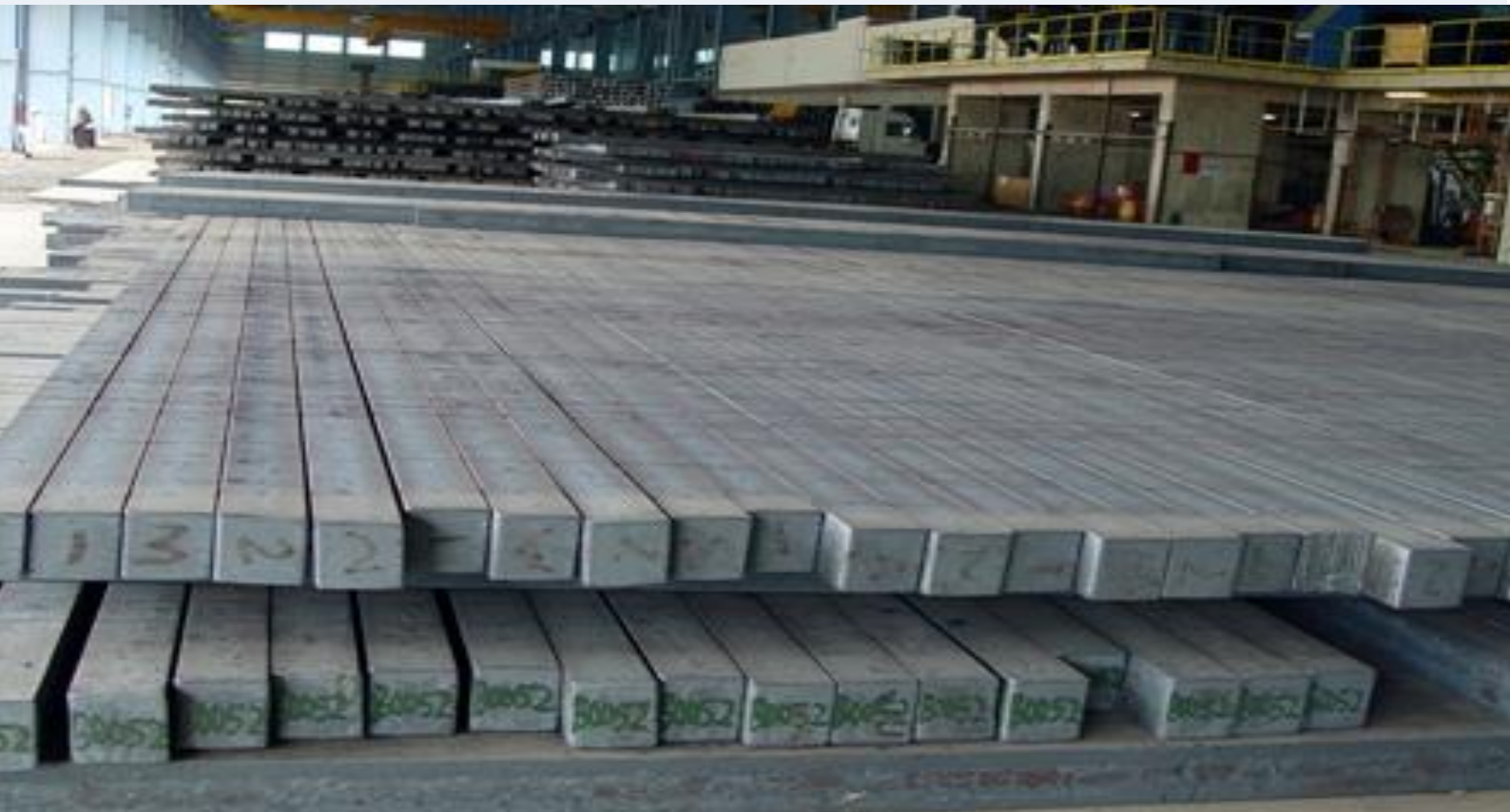
Với việc đưa dây chuyền này chính thức đi vào hoạt động đã đưa Công ty cổ phần thép DANA-Ý trở thành một trong những Công ty sở hữu công nghệ tiên tiến nhất của Việt Nam trong giai đoạn hiện tại với những lợi thế nổi bật:

Dây chuyền được đầu tư với công nghệ tiên tiến, sản xuất được các loại thép chất lượng cao. Chất lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Châu Âu và quốc tế.

Công nghệ mới khả năng tích hợp hai công đoạn luyện thép và cán thép, giảm đáng kể tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu. Chi phí sản xuất luôn thấp hơn dây chuyền thông thường khác tối thiểu 10%.

Đảm bảo xử lý môi trường khói bụi triệt để;

Hiện tại, Công ty cơ bản đã hoàn thiện những hạng mục quan trọng của dây chuyền luyện cán thép mới. Sau thời gian đầu tư và chạy thử nghiệm thu dây chuyền luyện – cán thép liên tục 200.000 tấn/năm (250.000 tấn phôi/năm; 200.000 tấn thép/năm), đầu quý II năm 2013, dây chuyền sẽ chính thức đưa vào hoạt động.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2011
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	62	52,5
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	38	47,5
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,5	77,6
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,5	22,4
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,25	0,24
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,74	0,87
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,64	3,34
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,84	5,0
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2,86	14,86
<b>5</b>	<b>Vòng quay hoạt động</b>			
	- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,04	1,41
	-Vòng quay Tài sản	Vòng	0,77	0,67



### Tình hình vốn, tài sản

Năm 2012, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý là 1.584 tỷ đồng, tăng 1,7% so với năm 2011. Công ty đang đi vào giai đoạn hoàn thành dây chuyền sản xuất được đầu tư từ năm 2010. Tài sản ngắn hạn năm 2012 giảm đáng kể so với năm 2011, chủ yếu do Công ty chủ động giảm hàng tồn kho, nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động. Trong giai đoạn kinh tế khó khăn, công ty tăng cường chính sách bán hàng trả chậm nên các khoản phải thu khách hàng tăng. Tuy nhiên, hàng tồn kho giảm mạnh nên tài sản ngắn hạn chiếm 38% tổng tài sản, giảm so với mức 47,5% trong năm 2011.

### Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán nhanh toán của Công ty năm 2012 không có nhiều biến động so với năm 2011. Khả năng thanh toán hiện hành giảm chủ yếu do công ty giảm tài sản ngắn hạn nhằm giảm rủi ro hoạt động. Trong thực tế hoạt động của Công ty, hàng tồn kho giảm khoảng 144 tỷ đồng trong khi các khoản phải thu tăng khoảng 88 tỷ đồng, tiền mặt giảm xuống.

### Vòng quay hoạt động

Doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý năm 2012 đạt 1.218 tỷ đồng tăng 16,9% so với năm 2011. Doanh thu tăng do công ty đẩy mạnh công tác bán hàng cùng với uy tín của Dana – Ý được nâng cao trên thị trường. Tài sản và nguồn vốn của công ty không có sự biến động lớn. Mức độ sử dụng tài sản và nguồn vốn của công ty được cải thiện đáng kể thể hiện qua các chỉ số vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn chủ sở hữu năm 2012 tăng đáng kể so với năm 2011.

### Cơ cấu nguồn vốn

Năm 2012, vay nợ tăng nhẹ nhằm tài trợ cho nhu cầu tăng thêm của tài sản dài hạn. Cụ thể, tổng nợ tăng thêm khoảng 20 tỷ so với năm 2011. Trong khi đó, nợ dài hạn tăng thêm khoảng 60 tỷ đồng để tài trợ cho nhu cầu tài sản dài hạn. Vốn chủ sở hữu năm 2012 đạt 357 tỷ đồng, tăng 7 tỷ đồng so với năm 2011. Cơ cấu nguồn nguồn vốn năm 2012 không có nhiều thay đổi so với năm 2011.

Trong năm 2012, lãi suất ngân hàng tăng cao, Công ty đã chủ động giảm các khoản nợ ở mức tốt nhất có thể, đặc biệt là các khoản nợ ngắn hạn có lãi suất cao nhằm giảm chi phí tài chính và tăng hiệu quả kinh doanh.

### Tỷ suất lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2012 giảm so với năm 2011. Lợi nhuận không cao hoặc kinh doanh thua lỗ là đặc điểm chung của nhiều doanh nghiệp hoạt động trong ngành thép năm 2012. Chi phí đầu vào cao trong khi giá bán không tăng hoặc giảm. Điều này khiến lợi nhuận gộp giảm, bên cạnh đó chi phí lãi vay tăng cao khiến lợi nhuận sau thuế giảm.

Lợi nhuận giảm thể hiện qua các chỉ số tỷ suất lợi nhuận giảm. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn như tổng cầu giảm, lãi suất tăng cao, Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý có được lợi nhuận là một điều đáng khích lệ.

## CÓ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tỷ lệ cổ đông sở hữu ngày 31/12/2012

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
<b>Tổng số lượng cổ phiếu</b>		<b>20.000.000</b>				
1	<b>Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên)</b>	<b>12.554.800</b>	<b>62,77</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>3</b>
	- Trong nước	12.554.800	62,774	4	1	3
	- Nước ngoài	-	-	0	0	0
2	<b>Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu &lt;5%)</b>	<b>11.240</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>
	- Trong nước	11.240	0,056	22	22	0
	- Nước ngoài	-	-	0	0	0
3	<b>Cổ đông khác</b>	<b>7.433.960</b>	<b>37,170</b>	<b>677</b>	<b>6</b>	<b>671</b>
	- Trong nước	7.409.160	37,046	670	5	665
	- Nước ngoài	24.800	0,124	7	1	6
4	Cổ phiếu quỹ	0	0			



Loại hình sở hữu

Đối tượng	Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	2	3	4=2+3	5
<b>I. Cổ đông đặc biệt</b>	-	<b>7.842.000</b>	<b>7.842.000</b>	
<b>1. Hội đồng quản trị</b>	-	<b>4.874.800</b>	<b>4.874.800</b>	<b>24,374</b>
Trong đó:				
- Nước ngoài		-	-	
- Trong nước		4.874.800	4.874.800	
<b>2. Ban Tổng Giám đốc</b>	-	<b>2.726.000</b>	<b>2.726.000</b>	<b>13,63</b>
<b>3. Ban kiểm soát</b>	-	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	<b>0,006</b>
<b>4. Kế toán trưởng</b>	-	-	-	<b>0</b>
5. Người được ủy quyền CBTT	-	240.000	240.000	1,2
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	
<b>III. Cổ đông khác</b>	-	<b>0</b>	-	
<b>1. Trong nước</b>		<b>15.063.200</b>	<b>15.063.200</b>	<b>75,316</b>
1.1. Cá nhân		6.944.360	6.944.360	
1.2. Tổ chức		8.118.840	8.118.840	
Trong đó Nhà nước:				
<b>2. Nước ngoài</b>		<b>24.800</b>	<b>24.800</b>	<b>0,124</b>
2.1. Cá nhân		9.300	9.300	
2.2. Tổ chức		15.500	15.500	
<b>CỘNG</b>	<b>0</b>	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm, Công ty không có các đợt tăng vốn cổ phần bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vv thành cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có



## II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
- ❖ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán



## BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
<b>Tổng tài sản</b>	1.583.996		1.556.906		102%
<b>Doanh thu thuần</b>	1.218.490	3.453.000	1.042.462	35,2%	117%
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	6.391		52.148		12%
<b>Lợi nhuận khác</b>	6.203		7.678		80,8%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	12.594	159.000	59.826	7,9%	21%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	10.203	139.000	51.783	7,3%	19,7%
<b>Nộp Ngân sách</b>	2.391		8.043		29,7%

### Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Nhìn chung năm 2012, thị trường Bất động sản và xây dựng gặp nhiều khó khăn, nhu cầu thép sụt giảm nên doanh thu của Công ty không đạt theo kế hoạch Đại Hội đồng Cổ đông đề ra. Trong tình hình kinh tế ảm đạm, các công ty thép khác không tăng trưởng doanh thu hoặc tăng trưởng thấp, doanh thu của Công ty vẫn tăng trưởng gần 17% so với năm 2011, là một thành công đáng kể cho việc khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường thép. Năm 2012, mặc dù thị trường có những biến động không thuận lợi, nhưng Công ty đã khai thác 100% công suất hoạt động, phục vụ tốt nhu cầu thị trường và được khách hàng đánh giá cao.

Trong tình hình lãi suất ngân hàng tăng cao, Công ty chủ động tích cực huy động mọi nguồn lực đảm bảo tài chính cho hoạt động sản xuất và đầu tư, tăng cường các mối quan hệ hợp tác kinh doanh, tận dụng khả năng huy động vốn của các đối tác và của hệ thống khách hàng, đặc biệt liên kết chặt chẽ với Công ty cổ phần Đầu tư Thành Lợi nhằm tối đa hoá hiệu quả sử dụng vốn. Hội đồng Quản trị Công ty chủ trương chính sách vay vốn bổ sung cho dự án đầu tư, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai dây chuyền thép 250.000 tấn/năm vận hành thông suốt.

Doanh thu tăng trưởng cao tuy nhiên giá cả nguyên vật liệu đầu vào, chi phí năng lượng và nhân công tăng cao, trong khi giá bán không tăng khiến lợi nhuận gộp của công ty ở mức không cao. Bên cạnh đó, tín dụng tăng trưởng chậm, lãi suất tăng cao khiến chi phí tài chính của công ty tăng lên. Đây cũng là một nguyên nhân khiến lợi nhuận của Công ty không cao trong năm 2012.

Năm 2012, doanh thu thuần đạt 1.218 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 13 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 2,5 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh năm 2012 không có sự tăng trưởng như kế hoạch do tình hình kinh tế vĩ mô không thuận lợi, còn tồn tại nhiều vấn đề chưa có phương thức giải quyết dứt điểm.



## Sản xuất, tiêu thụ

Với sản lượng sản xuất đạt được trong năm 2012, gần như sản phẩm của Công ty được tiêu thụ ngay trong tháng và phục vụ các đơn hàng xuất khẩu. Trong năm 2012, tình hình thị trường trong nước tiếp tục diễn biến xấu, do đó Công ty tiếp tục duy trì chuyển hướng sản xuất phôi thép để xuất khẩu. Quý I năm 2013, thị trường tiêu thụ trong nước đã khởi sắc trở lại, thép thành phẩm sản xuất ra đều được tiêu thụ hết. Đồng thời, Công ty cũng đã ký các đơn hàng xuất khẩu phôi thép đến hết quý I năm 2013.

Song song với kế hoạch xuất khẩu phôi thép, Công ty cũng đã ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty sản xuất thép Úc (SSE), sử dụng Nhãn hiệu SSE để sản xuất thép thành phẩm từ chính sản phẩm Phôi của Công ty. Dự kiến, riêng Nhãn hiệu SSE, doanh số tiêu thụ hàng tháng theo địa bàn Công ty ký hợp đồng hợp tác bình quân 5.000 tấn/tháng.

Với chất lượng phôi thép và chủng loại sản phẩm đa dạng như hiện nay, Công ty tự tin khẳng định sẽ đảm bảo được đầu ra cho sản phẩm của mình.





## Thị trường đầu vào, đầu ra

**Thị trường đầu vào:** Nguồn nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là phế liệu. Năm 2012, Công ty nhập khẩu và thu mua trong nước với tổng số lượng là 120.000 tấn phế liệu, trong đó số lượng nhập khẩu hơn 93.000 tấn, chủ yếu nhập khẩu từ các nhà cung ứng lâu năm của Công ty như:

❖ SUNAGRO	:	3.500 Tấn/Năm
❖ CAN METALS LIMITED	:	18.500 MT/Năm
❖ CMC RECYCLING SINGAPORE PTE.,LTD	:	5.500 MT/Năm
❖ TYOR GROUP	:	4.500 MT/Năm
❖ FEMA TERIALINC	:	10.000 MT/Năm
❖ TOYOTA TSUSHO	:	6.000 MT/Năm
❖ SINO ADD	:	5.000 MT/Năm
❖ THÀNH LỢI (Nhập khẩu ủy thác)	:	15.000 MT/Năm
❖ KIM KHÍ MIỀN TRUNG ( Nhập khẩu ủy thác)	:	25.000 MT/Năm

Ngoài các nhà cung cấp nêu trên, Công ty cũng tiến hành thu mua lại của khách hàng lẻ trong nước, đảm bảo đủ nguyên liệu cho sản xuất. Đồng thời, Công ty cũng tiến hành ký một số Hợp đồng nguyên tắc mua các loại phụ gia, vật liệu phụ với các nhà cung cấp lớn trong nước như : DNTN Trung Thành, Công ty TNHH Đức Quốc, Công ty TNHH Nhất Trí Thành, Công ty vật liệu chịu lửa Nam Ưng, XN Than Đà Nẵng, Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam,... để ổn định nguồn cung, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh và đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.



**Thị trường đầu ra:** Hiện nay, Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ bởi các đại lý lớn; doanh số tiêu thụ bình quân trong tháng của các đại lý từ 1.000 tấn đến 1.500 tấn.

Các đại lý lớn hiện nay của Công ty gồm:

❖ Công ty TNHH TM & DV Tứ Hưng	-	Đà Nẵng
❖ Công ty CP Kim khí miền Trung	-	Đà Nẵng
❖ DNTN Mỹ Chi	-	Đà Nẵng
❖ Công ty TNHH TM&DV Lê Hiền	-	Đà Nẵng
❖ Công ty TNHH TM &DV Xuân Trang	-	Đà Nẵng
❖ Công ty TNHH Vân Cộn	-	Quảng Bình
❖ Công ty TNHH TM TH Quốc Khánh	-	Quảng Bình
❖ Công ty TNHH Lập Thịnh	-	Đà Nẵng
❖ Công ty TNHH TM & DV Xuân Tiến	-	Đà Nẵng

Với năng lực tiêu thụ của các đại lý như hiện nay cộng với việc ký hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty sản xuất thép Úc (SSE), Công ty tin tưởng doanh số tiêu thụ thép sẽ đạt được 200.000 tấn/năm.

Đồng thời, Công ty cũng vẫn duy trì kế hoạch xuất khẩu Phôi thép với doanh số 10.000 tấn/tháng (120.000 tấn/năm).





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>598.137</b>	<b>737.275</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.677	54.832
Các khoản phải thu ngắn hạn	190.145	102.541
Hàng tồn kho	393.224	539.694
Tài sản ngắn hạn khác	6.091	40.207
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>985.858</b>	<b>819.631</b>
Tài sản cố định	983.073	817.384
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.600	1.600
Tài sản dài hạn khác	1.185	648
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.583.996</b>	<b>1.556.906</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.226.763</b>	<b>1.207.377</b>
Nợ ngắn hạn	804.793	842.759
Nợ dài hạn	421.971	364.617
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>357.233</b>	<b>349.529</b>
Vốn chủ sở hữu	357.233	349.529
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.583.996</b>	<b>1.556.906</b>

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012 là 1.584 tỷ đồng, tăng 27 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2011. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản có sự thay đổi đáng kể. Trong năm 2012, nhận thấy nền kinh tế khó có những chuyển biến tích cực, Công ty chủ động giảm lượng hàng tồn kho nhằm tránh tình trạng ứ đọng vốn, lãng phí nguồn lực, hiệu quả kinh tế mang lại thấp. Chính vì vậy, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản là 37,7%, giảm đáng kể so với mức 47,5% của năm 2011. Tài sản ngắn hạn giảm khiến nhu cầu vốn ngắn hạn giảm, giúp Công ty giảm được chi phí lãi vay ở mức tốt nhất có thể.

Hàng tồn kho giảm, tài sản ngắn hạn giảm nhưng với doanh thu cao và lượng tiền mặt luân chuyển tốt giúp Công ty luôn đảm bảo được nghĩa vụ đối trả nợ, trở thành đối tác tin cậy của các tổ chức tín dụng trong quá trình hoạt động.

Năm 2012, Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý hoàn thiện thêm Dây chuyền cán thép số 2 theo Công nghệ tiên tiến có giá trị lớn nên tài sản dài hạn tăng lên và chiếm tỷ trọng 62,3% trong tổng tài sản. Việc đầu tư hoàn thiện dây chuyền cán thép số 2 là nền tảng cơ bản vững chắc để Công ty mở rộng thị trường, nâng cao thị phần, thực hiện chiến lược kinh doanh trong giai đoạn sắp tới.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

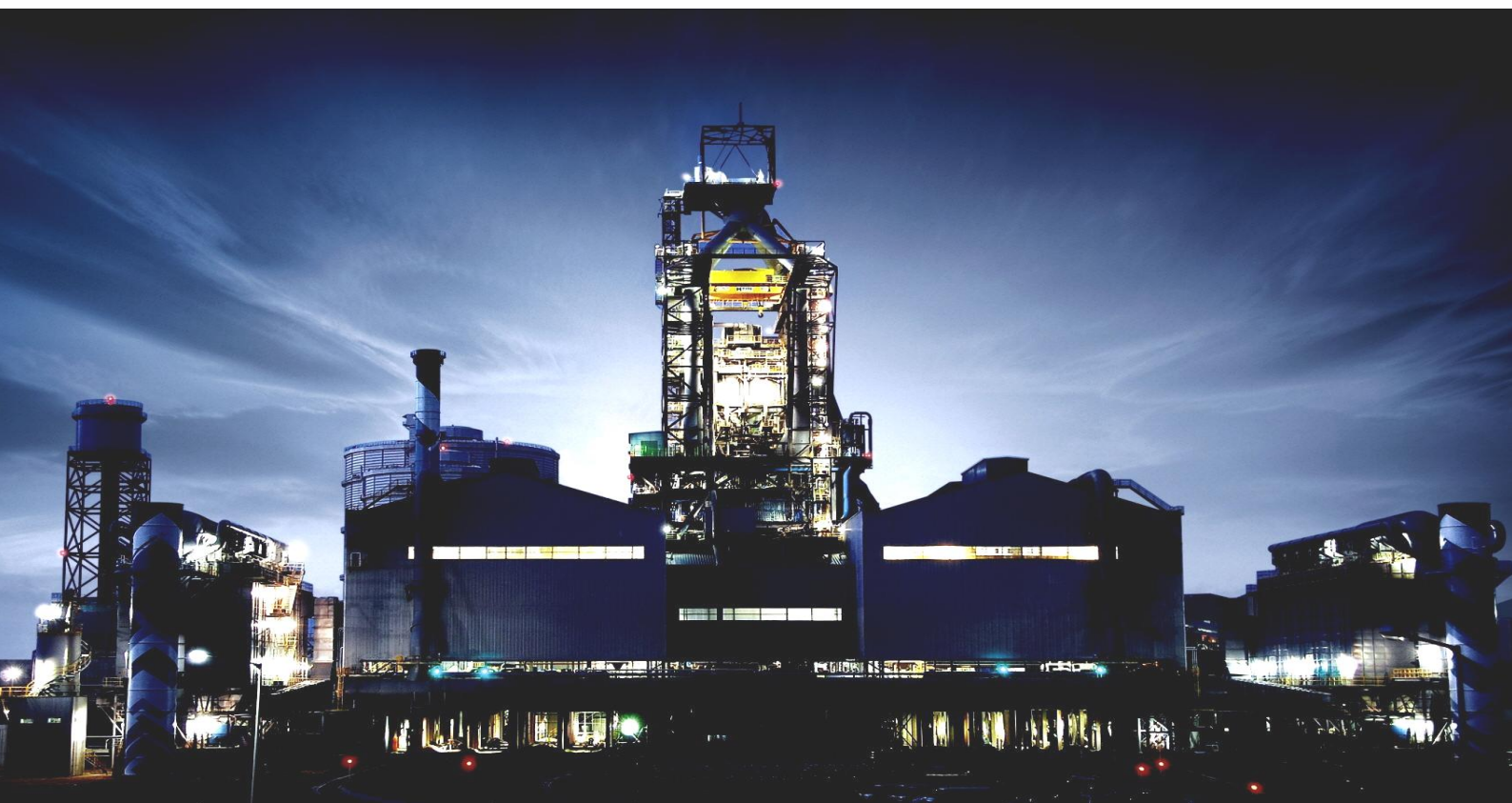
Lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm được điều hành theo cơ chế linh hoạt đáp ứng kịp với những biến động của thị trường, địa bàn tiêu thụ mở rộng, các đối tượng khách hàng đa dạng, thực hiện nghiêm túc thường xuyên khẩu hiệu “vì quyền lợi khách hàng” - thường xuyên giữ liên lạc với khách hàng, tiếp thu những ý kiến góp ý của khách hàng và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Điều hành sản xuất có những bước chuyển biến đáng kể trên cơ sở tăng cường kiểm soát các khâu phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác cung ứng vật tư, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo dây chuyền hoạt động ổn định với khả năng cao nhất.

Song song với việc duy trì sản xuất, kinh doanh ổn định, Công ty tập trung giải quyết những vấn đề cốt lõi hướng đến hoạt động bền vững:

- Hoàn thành xây dựng lắp đặt nhà máy Luyện - Cán thép 250.000 tấn/năm, đưa vào hoạt động sản xuất ổn định.
- Xây dựng ổn định bộ máy tổ chức cho quy mô hoạt động mới với công suất 400.000 tấn/năm.
- Tuyển dụng, đào tạo hơn 400 cán bộ, công nhân đảm bảo chất lượng, đủ năng lực quản lý vận hành nhà máy Luyện – Cán thép 250.000 tấn/năm. Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số lao động của Công ty là 913 người.
- Hoàn tất các quy trình, quy phạm vận hành nhà máy Luyện – Cán thép 250.000 tấn/năm.
- Sản xuất và triển khai ra thị trường thành công các sản phẩm mới thép thanh vằn  $\Phi 10 \div \Phi 25$ , được người tiêu dùng đánh giá cao.

Với kết quả đạt được, thép DANA-Ý khẳng định đủ sức mạnh cạnh tranh trong năm 2013.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Năm 2012, kinh tế tăng trưởng chậm do chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu sụt giảm giá cả nguyên liệu tăng cao, nhu cầu thép giảm sút. Đó là những rào cản khiến Công ty không đạt được mục tiêu như kỳ vọng. Công ty nhận thấy tình hình kinh tế năm 2013 khó có được sự chuyển biến tích cực nên sự thận trọng là điều cần thiết trong việc tìm hướng đi trong thời gian tới. Mục tiêu của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý trong năm 2012 là tiếp tục duy trì tăng trưởng cao, tự khẳng định năng lực và nâng cao thị phần. Để thực hiện được điều đó, Công ty cần phấn đấu vượt qua những thách thức và phải biết tranh thủ nắm bắt cơ hội kinh doanh từ các chính sách của Nhà nước trong thời gian sắp tới.

Công ty nhận thấy tình hình thị trường năm 2013 sẽ còn nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, với năng lực sản xuất tăng mạnh trong năm 2013, chỉ tiêu doanh thu và chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế được xây dựng như sau:

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2013
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Triệu</b>	<b>4.028.800</b>
<b>A</b>	<b>Thành phẩm Phôi</b>		<b>1.281.800</b>
	Phôi thép 1		707.600
	Phôi thép 2		574.200
<b>B</b>	<b>Thành phẩm thép</b>		<b>2.747.000</b>
	Thép cán 1		737.000
	Thép cán 2		2.010.000
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Triệu</b>	<b>3.877.368</b>
<b>2.1</b>	<b>Giá vốn</b>	<b>Triệu</b>	<b>3.692.368</b>
<b>A</b>	<b>Chi phí SX thành phẩm Phôi</b>		<b>1.151.966</b>
	Phôi thép 1		623.195
	Phôi thép 2		528.771
<b>B</b>	<b>Chi phí SX thành phẩm Thép</b>		<b>2.540.402</b>
	Thép cán 1		652.254
	Thép cán 2		1.888.148
<b>2.2</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>Triệu</b>	<b>30.000</b>
<b>2.3</b>	<b>Chi phí QLDN</b>	<b>Triệu</b>	<b>15.000</b>
<b>2.4</b>	<b>Chi phí lãi vay vốn lưu động (LS bình quân 12,0%/năm) + lãi vay đầu tư vốn hóa</b>	<b>Triệu</b>	<b>140.000</b>
<b>3</b>	<b>Tổng Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu</b>	<b>151.432</b>
<b>4</b>	<b>Thuế TNDN (Thuế suất 25%)</b>	<b>Triệu</b>	<b>37.858</b>
<b>5</b>	<b>Tổng Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu</b>	<b>113.574</b>

## Kế hoạch vay vốn, trả gốc, lãi vay và tài sản đảm bảo trong năm 2013

### Kế hoạch vay vốn

Tổng chi phí	:	3.877.368 triệu đồng;
Vòng quay vốn lưu động bình quân	:	3 vòng (vòng quay bình quân của nguyên liệu: 2 tháng; vòng quay bình quân của thành phẩm : 2 tháng);
Tổng nhu cầu vốn bình quân trong kỳ	:	1.292.456 triệu đồng;
Vốn tự có và nguồn vốn chiếm dụng khác	:	342.456 triệu đồng;
Vốn vay	:	950.000 triệu đồng;

### Tài sản đảm bảo

Tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và nguyên liệu chính, thành phẩm tại kho Công ty hiện đang thế chấp theo các Hợp đồng tín dụng hiện hành.

### Nguồn trả nợ cho Ngân hàng

Từ doanh thu.





## IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Những chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
<b>Tổng tài sản</b>	1.583.996		1.556.906		102%
<b>Doanh thu thuần</b>	1.218.490	3.453.000	1.042.462	35,2%	117%
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	6.391		52.148		12%
<b>Lợi nhuận khác</b>	6.203		7.678		80,8%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	12.594	159.000	59.826	7,9%	21%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	10.203	139.000	51.783	7,3%	19,7%
<b>Nộp Ngân sách</b>	2.391		8.043		29,7%

Năm 2012 là một năm vô cùng khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Số doanh nghiệp tư doanh vừa và nhỏ phá sản không ngừng tăng lên so với năm 2011, đa số các doanh nghiệp khác hoạt động cầm chừng, giảm bớt lao động, chấp nhận thu hẹp sản xuất, tiết giảm chi phí, lợi nhuận giảm so với năm 2011. Đa số các doanh nghiệp tư doanh nhỏ không thể tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng, một phần do nhiều ngân hàng thương mại cổ phần gặp khó khăn về thanh khoản, phần khác do các ngân hàng lớn thường chỉ nhắm đến mối quan hệ với các doanh nghiệp thân hữu và các doanh nghiệp lớn. Các tập đoàn kinh tế nhà nước cũng đang lâm vào tình trạng khủng hoảng nợ do đầu tư tràn lan và không hiệu quả vào những lĩnh vực như tài chính và bất động sản từ những năm trước. Sản xuất kinh doanh nội địa tăng trưởng chậm, tồn kho hàng hóa ứ đọng, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, hệ thống ngân hàng suy yếu là những đặc điểm nổi bật của kinh tế năm 2012.

Năm 2012 là năm kinh doanh khó khăn của các doanh nghiệp ngành thép. Công suất các nhà máy tăng lên đáng kể khiến nguồn cung tăng mạnh. Nhiều doanh nghiệp ngành thép có lượng hàng tồn kho tăng cao, hầu hết phải cắt giảm sản xuất. Việc nhập khẩu các loại thép xây dựng giá rẻ chủ yếu từ Trung Quốc gây nhiều tác động tiêu cực đến sản xuất và tiêu thụ thép xây dựng trong nước.

Thị trường xây dựng và bất động sản không khởi sắc, nhu cầu xây dựng thấp, tiêu thụ thép ảm đạm, cạnh tranh mạnh mẽ khiến doanh thu của đa số công ty sụt giảm. Theo ước tính của Hiệp hội Thép Việt Nam, tổng sản lượng tiêu thụ thép của Việt Nam năm 2012 tăng trưởng 3%. Lượng thép xây dựng tiêu thụ chỉ đạt 4,5 triệu tấn, giảm 10% so với 2011. Lượng tiêu thụ các loại thép khác như thép ống, thép cuộn cán nguội, tôn mạ kẽm tăng 20 - 40%.

Sự suy giảm trong ngành Xây dựng và Bất động sản khiến doanh thu của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý không tăng trưởng như dự kiến. Tuy nhiên, doanh thu của Công ty đạt 1.218 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với năm 2011, là mức tăng trưởng cao nhất trong ngành thép xây dựng.

Trong năm 2012, chi phí nhân công, điện, nguyên liệu đầu vào tăng trong khi giá hàng bán không tăng nên lợi nhuận gộp của Công ty không cao. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm. Lợi nhuận sau thuế đạt 10,2 tỷ đồng, giảm so với năm 2011.

Thị trường chính của Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý là các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được duy trì bền vững. Sản phẩm của Công ty đã trở thành một phần không thể thiếu trong các công trình dân sinh. Đó nguyên nhân chính giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng tốt trong năm 2012.

Tình hình tài chính của Công ty không có sự biến động lớn. Cơ cấu nguồn vốn năm 2012 không có nhiều thay đổi so với năm 2011. Năm 2012, vay nợ tăng nhẹ nhằm tài trợ cho nhu cầu lắp đặt dây chuyền sản xuất thép mới. Trong năm 2012, lãi suất ngân hàng tăng cao, Công ty đã chủ động giảm các khoản nợ, đặc biệt là các khoản nợ ngắn hạn có lãi suất cao nhằm giảm chi phí tài chính và tăng hiệu quả kinh doanh.





## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Vượt qua nhiều khó khăn thách thức trong năm 2012, Ban Giám đốc đã thể hiện được năng lực tốt khi kinh doanh có lợi nhuận và doanh thu tăng trưởng cao trong ngành thép xây dựng. Hội đồng Quản trị nhận thấy, Công ty không đạt chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận là do những nguyên nhân khách quan từ nền kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó, dây chuyền sản xuất mới đi vào hoạt động chưa đạt được công suất như mong đợi.

Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã có sự chuẩn bị tốt trước những thay đổi trên thị trường thép. Ban Giám đốc đã có những chính sách giám sát công ty nhằm đảm bảo việc kinh doanh được thực hiện một cách có hiệu quả.

Ban Giám đốc đã chỉ đạo toàn diện công tác kế hoạch, quyết định các chủ trương lớn về kế hoạch sản xuất kinh doanh, định hướng về công tác công nghệ thông tin và các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Ban Giám đốc thực hiện tốt công tác đối ngoại nhằm tạo ra mối quan hệ hợp tác tốt với các đơn vị trong và ngoài nước để triển khai các phương hướng hoạt động phục vụ lợi ích chung của Công ty.

Trong khi nhiều doanh nghiệp ngành thép xây dựng ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô, Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý vẫn có doanh thu tăng trưởng 17%, cao nhất ngành thép xây dựng. Đây là một thành công đáng ghi nhận của của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Giám đốc.



## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dự báo kinh tế thế giới tiếp tục khó khăn, diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro trong năm 2013. Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế trong nước vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với chủ trương ưu tiên hàng đầu cho việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế của Đảng và quyết tâm của Chính phủ sẽ là tiền đề thực hiện thắng lợi mục tiêu 2011-2015 “phát triển kinh tế nhanh, bền vững” với quyết tâm đạt GDP bình quân  $6,5 \div 7\%/năm$ .

Chủ trương đột phá nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư trung hạn 2013 – 2015. Theo đó, tập trung vốn ngân sách cho các dự án, công trình trọng điểm, quan trọng quốc gia; Dành một phần vốn ngân sách thỏa đáng để tham gia các dự án hợp tác công - tư (PPP), vốn đối ứng ODA, kinh phí giải phóng mặt bằng; Phát hành trái phiếu công trình và áp dụng các hình thức đầu tư phù hợp để tập trung nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A; Xem xét phát hành trái phiếu Chính phủ trong tổng mức 2011 - 2015 Quốc hội đã cho phép để hoàn thành các công trình hạ tầng quan trọng khác. Tất cả sẽ mở ra cơ hội trực tiếp cho ngành thép trong năm 2013 và những năm sắp tới.

Với DANA - Ý, sau 4 năm vừa sản xuất vừa đầu tư mới, đến nay Công ty đã tạo dựng cho mình nền tảng vững chắc, với dây chuyền công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, đồng bộ, lực lượng lao động trung thực được đào tạo cơ bản và tay nghề cao.

Mục tiêu của Công ty:

Hướng tới sự phát triển bền vững, xứng đáng là một trong những công ty đi đầu ngành sản xuất thép tại khu vực, trong những năm tới Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực thực hiện các mục tiêu sau:

- Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Tiếp tục vận hành an toàn và khai thác hiệu quả dây chuyền công nghệ hiện có.
- Tiếp tục tập trung nghiên cứu phát triển thị trường, ưu tiên nghiên cứu thị trường xuất khẩu và lĩnh vực nghiên cứu tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa quá trình nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, đạt chất lượng cam kết.
- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu của khách hàng, không để xảy ra khiếu nại của khách hàng, giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng (nếu có), đáp ứng sự hài lòng của khách hàng.
- Bảo đảm tuyệt đối an toàn, không để xảy ra các tai nạn lớn, sự cố cháy nổ.
- Xây dựng và chuẩn hóa môi trường và văn hóa làm việc chuyên nghiệp trong Công ty.
- Phấn đấu nâng cao thu nhập và đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, góp phần thực hiện công tác an sinh xã hội do Chính phủ và Thành phố phát động.

Năm 2013, phát huy năng lực nội tại được tích lũy và phát triển trong nhiều năm và thành quả đạt được trong năm 2012, Công ty cổ phần thép DANA-Ý chủ trương giữ vững mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững, tăng cường liên kết mở rộng thị trường, phát triển thương hiệu, đột phá sáng tạo trong công nghệ, nâng cấp mức độ tự động hóa dây chuyền, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và khai thác năng lượng, tập trung nghiên cứu cải cách toàn diện mô hình quản lý trọng tâm là quản lý chi phí phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh mới và đặc biệt là tập trung cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

Với đội ngũ CBCNV vững lập trường, giỏi chuyên môn đã được sàng lọc và thử thách qua nhiều năm cùng với sự quan tâm chỉ đạo hỗ trợ đặc biệt của Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong thành phố Đà Nẵng, Công ty cổ phần thép DANA-Ý sẵn sàng vượt lên trong thử thách. Nhận thức rõ tiềm năng và cơ hội mới nên DANA-Ý đã đặt mục tiêu chiến lược như sau:

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2013
1	Tổng doanh thu	Triệu	4.028.800
2	Tổng chi phí	Triệu	3.877.368
2.1	Giá vốn	Triệu	3.692.368
2.2	Chi phí bán hàng	Triệu	30.000
2.3	Chi phí QLDN	Triệu	15.000
2.4	Chi phí lãi vay vốn lưu động (LS bình quân 12,0%/năm) + lãi vay đầu tư vốn hóa	Triệu	140.000
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	Triệu	151.432
4	Thuế TNDN (Thuế suất 25%)	Triệu	37.858
5	Tổng Lợi nhuận sau thuế	Triệu	113.574



## IV. BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên, trong đó Cơ cấu: 01 Chủ tịch, 04 thành viên (2 thành viên không điều hành)

STT	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Số CP trực tiếp sở hữu đến ngày 31/12/2012	Tỷ lệ sở hữu đến ngày 31/12/2012
1	Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch	1.000.000	5%
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch	1.064.800	5,32%
3	Ông Hồ Tín Nghĩa	Thành viên	240.000	1,2%
4	Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên	2.450.000	12,25%
5	Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên	120.000	0,6%

Hội đồng Quản trị Công ty hoạt động theo đúng Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp. Năm 2012, Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ được giao phó, tạo điều kiện thuận lợi giúp Ban Giám đốc điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các chỉ tiêu do Đại Hội đồng Cổ đông đề ra.

Hoạt động của thành viên độc lập không điều hành: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, và theo sự phân công trong Hội đồng Quản trị.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có



### Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do vắng mặt
1	Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	09	100%	
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	08	89%	Đi công tác xa
3	Ông Hồ Tín Nghĩa	Thành viên HĐQT	09	100%	
4	Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	09	100%	
5	Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên HĐQT	09	100%	

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và trưởng các phòng ban về những mặt hoạt động sau:

- Thường xuyên đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra định hướng phát triển để chỉ đạo kịp thời hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.

Hiện có 2 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên trong Ban Tổng Giám đốc là Ông Hồ Tín Nghĩa và Bà Phan Thị Thảo Sương nên việc trao đổi thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc giúp hoạt động của Công ty theo đúng định hướng, đảm bảo quyền lợi cổ đông.

Kết quả giám sát cho thấy Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

### Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	85/2012/NQ-ĐHĐCĐ	7/03/2012	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.



## BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Dana - Ý báo cáo Đại hội đồng cổ đông những hoạt động của Ban trong năm 2012 như sau:

Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty:

- Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và Các Quy chế nội bộ Công ty;
- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (TGD) trong công tác quản lý, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Tham gia tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật;
- Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2012;
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch SXKD từng quý, năm 2012;
- Chủ động làm việc kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng tháng, quý và năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, xem xét các báo cáo của Kiểm toán độc lập cho giai đoạn 6 tháng đầu năm và năm 2012 đã được Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam kiểm toán, xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị của Kiểm toán độc lập;

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình và tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế quản trị công ty, qua đó các thành viên Ban kiểm soát phát huy hết khả năng và trách nhiệm của mình và thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được giao.

## Đánh giá của Ban Kiểm soát với HĐQT và thành viên Ban TGD

### *Đánh giá của Ban Kiểm soát với HĐQT*

Ban Kiểm soát cho rằng Hội đồng quản trị đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp hàng quý và hàng tháng để trao đổi tình hình công ty.

HĐQT đã hoạch định chiến lược, kế hoạch kế hoạch kinh doanh năm của công ty; quyết định phương án đầu tư dây chuyền sản xuất thép công nghệ cao, xây dựng giải pháp phát triển thị trường.

HĐQT trong năm đã giám sát, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, trên cơ sở đó thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012 được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Nói chung, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó trong năm 2012.

### *Đánh giá của Ban Kiểm soát với Ban TGD*

Năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đúng nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoạch định kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty, đảm bảo hệ thống quản trị được cập nhật và hoạt động hiệu quả.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phối hợp phòng kinh doanh để xây dựng và phát triển các kênh bán hàng cho công ty mang lại hiệu quả cao.

Nói chung, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó trong năm 2012.





## GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

### Thù lao HĐQT, Ban TGD và Ban KS

STT	Họ và tên	Thù lao HĐQT, BKS/tháng	Lương BQ tháng trong năm 2012	Thưởng BQ tháng trong năm 2012
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
	Ông Huỳnh Văn Tân	10.000.000	27.676.282	27.676.282
	Ông Đặng Thanh Bình	3.000.000		
	Ông Hồ Nghĩa Tín	3.000.000	22.070.513	22.070.513
	Bà Phan Thị Thảo Sương	3.000.000	14.906.410	14.906.410
	Ông Nguyễn Hữu Toàn	3.000.000		
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
	Bà Huỳnh Thị Loan	3.000.000		
	Bà Trần Phước Hạ Nhi	1.000.000		
	Ông Huỳnh Duy Cường	1.000.000		
<b>3</b>	<b>Ban điều hành</b>			
	Ông Hồ Nghĩa Tín	3.000.000	22.070.513	22.070.513
	Bà Phan Thị Thảo Sương	3.000.000	14.906.410	14.906.410
	Ông Nguyễn Văn Tấn		16.800.679	16.800.679
	Bà Trần Mai Thị Bé Liệu		12.036.698	12.036.698

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

#### Giao dịch 1:

- Tên tổ chức thực hiện giao dịch: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 2.512.620 CP (tỷ lệ 12,56%)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 500.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 500.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đã bán: 56.500 CP
- Số lượng cổ phiếu đã mua: 70.900 CP
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2.527.020 CP (tỷ lệ 12,64%)
- Lý do không thực hiện giao dịch hết số cổ phiếu đăng ký: Diễn biến giá không phù hợp



- Ngày bắt đầu giao dịch: 08/12/2011
- Ngày kết thúc giao dịch: 03/02/2012.

#### Giao dịch 2:

- Tên tổ chức thực hiện giao dịch: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 2.527.020 CP (tỷ lệ 12,64%)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 500.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 500.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đã bán: 104.600 CP
- Số lượng cổ phiếu đã mua: 46.100 CP
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2.468.520 CP (tỷ lệ 12,34%)
- Lý do không thực hiện giao dịch hết số cổ phiếu đăng ký: Diễn biến giá không phù hợp
- Ngày bắt đầu giao dịch: 09/02/2012
- Ngày kết thúc giao dịch: 06/04/2012.

#### Giao dịch 3:

- Tên tổ chức thực hiện giao dịch: CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Mã chứng khoán: DNY
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 2.459.420 CP (tỷ lệ 12,3%)
- Số lượng cổ phiếu đã bán: 2.459.420 CP
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 0 CP (tỷ lệ 0%)
- Ngày không còn là cổ đông lớn: 26/04/2012.

#### Giao dịch 4:

- Tên cá nhân thực hiện giao dịch: Phan Thị Thảo Sương
- Chức vụ tại TCNY: Phó Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 0 CP (tỷ lệ 0%)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 2.500.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đã mua: 2.450.000 CP
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2.450.000 CP (tỷ lệ 12,25%)
- Ngày bắt đầu giao dịch: 19/04/2012
- Ngày kết thúc giao dịch: 18/05/2012.

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ❖ Ý kiến kiểm toán
- ❖ Báo cáo tài chính kiểm toán



## Ý KIẾN KIỂM TOÁN

**Kính gửi:**      **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 29. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán như trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Hạn chế phạm vi kiểm toán***

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, dây chuyền cán 2 đã cơ bản xây dựng hoàn thành và bắt đầu thực hiện sản xuất thử từ tháng 6 năm 2011. Theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật về việc đầu tư dây chuyền cán 2, thời gian sản xuất thử sẽ kéo dài trong 3 tháng, sau đó, thêm 3 tháng hiệu chỉnh công suất và ổn định chất lượng sản phẩm vào ngày 28 tháng 02 năm 2012. Trong năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty vẫn chưa ghi nhận tăng Tài sản cố định hữu hình và thực hiện trích khấu hao đối với dây chuyền cán 2 này do Ban giám đốc Công ty đánh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, dây chuyền cán 2 này vẫn chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để đưa vào hoạt động kinh doanh chính thức. Theo đó, toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến dây chuyền cán 2 phát sinh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 được vốn hóa vào giá trị Xây dựng cơ bản dở dang của dự án dây chuyền cán 2. Do không xác định được chính xác thời điểm dây chuyền cán 2 có thể đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục liên quan trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.



**Ý kiến ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán như đã nêu ở trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

***Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới vấn đề sau:***

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 206.655.111.306 VND trong đó khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các hợp đồng vay là 69.628.731.800 VND và Công ty có lưu chuyển tiền thuần âm từ hoạt động kinh doanh là 243.062.253.423 VND. Các yếu tố này gây ra sự lo ngại về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**(Đã ký)**

**Hoàng Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

**(Đã ký)**

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Kiểm toán viên**  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1472/KTV

***Thay mặt và đại diện cho***  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
*Ngày 28 tháng 3 năm 2013*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>598.137.398.018</b>	<b>737.274.583.283</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>8.676.948.473</b>	<b>54.832.362.923</b>
1. Tiền	111		8.676.948.473	51.052.362.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.780.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>190.145.127.682</b>	<b>102.541.068.756</b>
1. Phải thu khách hàng	131		176.662.524.716	86.399.490.738
2. Trả trước cho người bán	132		13.188.827.622	16.840.845.109
3. Các khoản phải thu khác	135		1.215.853.344	222.810.909
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(922.078.000)	(922.078.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>393.223.962.847</b>	<b>539.694.168.991</b>
1. Hàng tồn kho	141		393.223.962.847	539.694.168.991
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.091.359.016</b>	<b>40.206.982.613</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.965.075.390	5.595.389.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		569.432.755	34.406.800.209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		350.051.751	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		206.799.120	204.792.830
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>985.858.259.561</b>	<b>819.631.345.809</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>983.072.981.623</b>	<b>817.383.678.946</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	162.955.583.446	176.332.506.703
- Nguyên giá	222		261.810.608.799	247.858.290.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.855.025.353)	(71.525.783.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	68.002.583.892	68.022.004.892
- Nguyên giá	228		68.063.179.059	68.063.179.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.595.167)	(41.174.167)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	752.114.814.285	573.029.167.351
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.600.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.185.277.938</b>	<b>647.666.863</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.185.277.938	647.666.863
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 =100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.583.995.657.579</b>	<b>1.556.905.929.092</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.226.763.203.630</b>	<b>1.207.376.925.482</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>804.792.509.324</b>	<b>842.759.439.890</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	623.539.988.000	432.246.934.792
2. Phải trả người bán	312		168.708.904.043	316.376.515.017
3. Người mua trả tiền trước	313		125.432.227	59.699.793.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	944.122.870	14.365.757.568
5. Phải trả người lao động	315		2.902.208.546	4.559.794.238
6. Chi phí phải trả	316		1.453.111.607	541.852.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	5.100.023.917	13.364.088.101
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.018.718.114	1.604.704.138
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>421.970.694.306</b>	<b>364.617.485.592</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	421.970.694.306	364.617.485.592
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>357.232.453.949</b>	<b>349.529.003.610</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>357.232.453.949</b>	<b>349.529.003.610</b>
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.175.100.000	37.175.100.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.395.287.553	8.395.287.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.984.446.120	8.395.287.553
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.589.158.567	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		98.088.461.709	95.563.328.504
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.583.995.657.579</b>	<b>1.556.905.929.092</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND	-	51.231.721.471
2. Ngoại tệ các loại	USD	1.201,91	366.150,73

(Đã ký)

**Trần Mai Thị Bé Liễu**  
 Kế toán trưởng  
 Người lập biểu  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2013

(Đã ký)

**Hồ Nghĩa Tín**  
 Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.234.884.667.475</b>	<b>1.043.002.017.653</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.394.924.500	539.971.036
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>17</b>	<b>1.218.489.742.975</b>	<b>1.042.462.046.617</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.138.937.077.705	920.935.330.800
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>79.552.665.270</b>	<b>121.526.715.817</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.922.139.337	5.003.218.124
7. Chi phí tài chính	22	21	56.013.166.041	51.219.134.381
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.875.719.709	42.346.612.839
8. Chi phí bán hàng	24		8.103.016.554	5.648.492.990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.967.530.357	17.514.677.184
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>6.391.091.655</b>	<b>52.147.629.386</b>
11. Thu nhập khác	31	22	6.281.990.539	8.188.380.277
12. Chi phí khác	32		78.817.596	510.211.222
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>6.203.172.943</b>	<b>7.678.169.055</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=40+30)</b>	<b>50</b>		<b>12.594.264.598</b>	<b>59.825.798.441</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	2.390.814.259	8.042.627.089
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>10.203.450.339</b>	<b>51.783.171.352</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>510</b>	<b>2.589</b>

(Đã ký)

(Đã ký)

**Trần Mai Thị Bé Liệu**  
**Kế toán trưởng**  
**Người lập biểu**  
**Ngày 28 tháng 3 năm 2013**

**Hồ Nghĩa Tín**  
**Tổng Giám đốc**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MÃ SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	12.594.264.598	59.825.798.441
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	27.348.662.878	25.540.477.057
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	257.132.877	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(188.181.853)	(860.625.153)
Chi phí lãi vay	06	51.875.719.709	42.346.612.839
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>91.887.598.209</b>	<b>127.128.886.584</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(89.690.044.950)	(36.250.381.325)
Thay đổi hàng tồn kho	10	115.344.651.407	(459.582.251.892)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(278.966.206.609)	358.389.831.157
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	33.578.012.522	(37.463.596.505)
Tiền lãi vay đã trả	13	(108.889.958.467)	(81.076.009.012)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.326.305.535)	(3.395.998.269)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	(2.204.740.527)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(243.062.253.423)</b>	<b>(134.454.259.789)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(51.975.507.383)	(227.340.867.278)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	-	(78.785.444.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	78.785.444.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24	188.181.853	852.021.736
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(51.787.325.530)</b>	<b>(226.488.845.542)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	31	1.740.080.091.096	1.369.477.960.720
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32	(1.491.454.542.614)	(954.582.572.669)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	33	-	(40.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>248.625.548.482</b>	<b>374.895.388.051</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(46.224.030.471)</b>	<b>13.952.282.720</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>54.832.362.923</b>	<b>40.880.080.203</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	68.616.021	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>8.676.948.473</b>	<b>54.832.362.923</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 22.870.037.836 VND (năm 2011: 20.983.028.961 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

(Đã ký)

(Đã ký)

**Trần Mai Thị Bé Liệu**  
 Kế toán trưởng  
 Người lập biểu  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**Hồ Nghĩa Tín**  
 Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008. Ngày 02 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với ngày giao dịch đầu tiên là ngày 11 tháng 5 năm 2010 và mã chứng khoán là DNY. Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 913 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 841).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại thép xây dựng; kinh doanh sắt thép; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp và gia công cơ khí.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Khả năng tiếp tục hoạt động**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 206.655.111.306 VND trong đó khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các hợp đồng vay là 69.628.731.800 VND và Công ty có lưu chuyển tiền thuần âm từ hoạt động kinh doanh là 243.062.253.423 VND. Các yếu tố này gây ra sự lo ngại về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với cơ cấu nguồn vốn phù hợp, bao gồm kế hoạch tiếp tục huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các cổ đông. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã nhận được Thư cam kết hỗ trợ về tài chính và hoạt động từ cổ đông chính là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi và các cổ đông sáng lập và Công ty có các hạn mức tín dụng có thể huy động từ các tổ chức tín dụng với số tiền khoảng 136 tỷ đồng. Bên cạnh đó, cùng với việc hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dây chuyền sản xuất mới đầu tư, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Do đó, theo đánh giá của Ban Giám đốc, việc báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.



**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Năm 2012**

(Số năm)

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

*Giá trị quyền sử dụng đất:* được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

*Phần mềm máy tính:* bao gồm chi phí mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí thuê pano quảng cáo. Chi phí công cụ, dụng cụ được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê pano quảng cáo được phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không phát sinh khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	169.618.777	315.264.018
Tiền gửi ngân hàng	8.507.329.696	50.737.098.905
Các khoản tương đương tiền	-	3.780.000.000
	<u><b>8.676.948.473</b></u>	<u><b>54.832.362.923</b></u>

## 6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	155.793.440	35.131.299.293
Nguyên liệu, vật liệu	270.699.862.117	331.405.662.431
Công cụ, dụng cụ	7.402.589.084	3.279.934.799
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.090.705.687	-
Thành phẩm	113.875.012.519	169.877.272.468
Hàng hóa	-	-
	<b><u>393.223.962.847</u></b>	<b><u>539.694.168.991</u></b>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, toàn bộ số dư của thành phẩm luyện, thành phẩm cán, và nguyên liệu tại ngày 31/12/2012 được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	79.201.343.507	153.765.659.646	12.799.379.957	2.091.907.068	247.858.290.178
Mua sắm mới	-	6.846.616.925	653.054.545	191.188.636	7.690.860.106
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	6.261.458.515	-	-	6.261.458.515
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>79.201.343.507</u></b>	<b><u>166.873.735.086</u></b>	<b><u>13.452.434.502</u></b>	<b><u>2.283.095.704</u></b>	<b><u>261.810.608.799</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	12.227.452.396	53.487.831.485	4.597.139.769	1.213.359.825	71.525.783.475
Khấu hao trong năm	4.259.415.844	20.420.369.753	2.185.502.947	463.953.334	27.329.241.878
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>16.486.868.240</u></b>	<b><u>73.908.201.238</u></b>	<b><u>6.782.642.716</u></b>	<b><u>1.677.313.159</u></b>	<b><u>98.855.025.353</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>62.714.475.267</u></b>	<b><u>92.965.533.848</u></b>	<b><u>6.669.791.786</u></b>	<b><u>605.782.545</u></b>	<b><u>162.955.583.446</u></b>
Tại ngày 31/12/2011	<b><u>66.973.891.111</u></b>	<b><u>100.277.828.161</u></b>	<b><u>8.202.240.188</u></b>	<b><u>878.547.243</u></b>	<b><u>176.332.506.703</u></b>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 14, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định bao gồm nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	67.966.074.059	97.105.000	68.063.179.059
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>67.966.074.059</u></b>	<b><u>97.105.000</u></b>	<b><u>68.063.179.059</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	41.174.167	41.174.167
Khấu hao trong năm	-	19.421.000	19.421.000
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>-</u></b>	<b><u>60.595.167</u></b>	<b><u>60.595.167</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>67.966.074.059</u></b>	<b><u>36.509.833</u></b>	<b><u>68.002.583.892</u></b>
Tại ngày 31/12/2011	<b><u>67.966.074.059</u></b>	<b><u>55.930.833</u></b>	<b><u>68.022.004.892</u></b>



Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại các lô A1, A2, A17, A18, C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7 tại khu Công nghiệp Thanh Vinh và các lô B15, B16, B17, tại cụm khu Công nghiệp Thanh Vinh mở rộng với giá còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 21.583.146.303 VND và 28.756.800.000 (quyền sử dụng đất không có thời hạn) để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Xây dựng Lò trung tần số 5 - Nhà máy luyện 1	-	6.080.000
Xây dựng Nhà máy cán 2 (i)	501.042.674.151	369.851.369.051
Xây dựng Nhà máy luyện 2 (ii)	250.616.655.821	200.757.365.184
Xây dựng cơ bản khác	455.484.313	2.414.353.116
	<b><u>752.114.814.285</u></b>	<b><u>573.029.167.351</u></b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu phản ánh chi phí đầu tư liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm để sản xuất thép xây dựng D6-D32 với tổng mức đầu tư của Dự án là khoảng 450 tỷ đồng.

- (i) Dây chuyền cán 2 đã cơ bản xây dựng hoàn thành và bắt đầu thực hiện sản xuất thử từ tháng 6 năm 2011. Theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật về việc đầu tư dây chuyền cán 2, thời gian sản xuất thử sẽ kéo dài trong 3 tháng, sau đó, thêm 3 tháng hiệu chỉnh công suất và ổn định chất lượng sản phẩm vào ngày 28 tháng 02 năm 2012. Trong năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty vẫn chưa ghi nhận tăng Tài sản cố định hữu hình và thực hiện trích khấu hao đối với dây chuyền cán 2 này do Ban giám đốc Công ty đánh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dây chuyền cán 2 này vẫn chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để đưa vào hoạt động kinh doanh chính thức. Theo đó, doanh thu và chi phí liên qua đến dây chuyền cán 2 phát sinh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 03 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 được vốn hóa vào giá trị Xây dựng cơ bản dở dang của dự án dây chuyền cán 2. Tổng giá trị hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 03 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã vốn hóa vào giá trị Xây dựng cơ bản dở dang của dây chuyền cán 2 là khoảng 61,5 tỷ đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã dùng các tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của dự án đầu tư Dây chuyền Cán 2.

- (ii) Dây chuyền luyện 2 bắt đầu thực hiện chạy thử không tải từ tháng 5 năm 2012 và thực hiện sản xuất thử từ tháng 6 năm 2012. Sau 4 tháng sản xuất thử, báo cáo kỹ thuật của ban chạy thử kết luận các thông số vận hành đồng bộ của dây chuyền chưa ổn định do đó đến tháng 9 năm 2012 Công ty đã tạm ngừng việc sản xuất thử của dây chuyền luyện 2 để sửa chữa đến hết năm 2012.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã dùng các tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của dự án đầu tư Dây chuyền Luyện 2.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị hai công trình trong năm 2012 là 57.443.985.325 VND (năm 2011 là 38.417.115.789 VND).

## 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng với số tiền là 1.600.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này.

## 11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (i)</b>	<b>167.891.451.735</b>	<b>179.330.000.000</b>
- VND	167.891.451.735	179.330.000.000
- USD	-	-
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng (i)</b>	<b>132.039.781.909</b>	<b>119.862.677.794</b>
- VND	132.039.781.909	55.618.100.700
- USD	-	64.244.577.094
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng (ii)</b>	<b>99.921.324.333</b>	<b>53.588.576.183</b>
- VND	99.921.324.333	46.484.803.469
- USD	-	7.103.772.714
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (iii)</b>	<b>144.845.462.023</b>	<b>29.009.896.815</b>
- VND	144.845.462.023	26.128.236.792
- USD	-	2.881.660.023
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (iv)</b>	<b>9.213.236.200</b>	<b>-</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>69.628.731.800</b>	<b>50.455.784.000</b>
<b>(được trình bày ở Thuyết minh số 14)</b>		
	<b><u>623.539.988.000</u></b>	<b><u>432.246.934.792</u></b>

- (i) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thể hiện các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 42/2010/HĐTD ngày 09/4/2010 và phụ lục bổ sung ngày 09/6/2012. Hạn mức tín dụng của các khoản vay là 300 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh mở L/C là 240 tỷ VND. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 1,65%/tháng, bằng USD là 6%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép, một số phương tiện vận tải và nguyên vật liệu trong kho với phạm vi bảo đảm là 70 tỷ VND. Số dư của khoản vay bằng VND tại ngày 31/12/2012 là 299.931.233.644 VND. Khoản vay bằng USD đã được tất toán.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thể hiện khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 10691005/HĐTD ngày 05/5/2010 và phụ lục bổ sung số 11691005 ngày 06/5/2011. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 100 tỷ VND (hạn mức có thể chuyển đổi sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 14,7%/năm, lãi suất cho vay bằng USD là 6,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, A1, A2, A17, A18 tại khu Công nghiệp Thanh Vinh và tài sản khác bao gồm giá trị hàng tồn kho với phạm vi đảm bảo là 50 tỷ đồng và thế chấp các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế trị giá 70 tỷ đồng. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 99.921.324.333 VND.

(iii) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân thể hiện các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2012/HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng số 02/001/2012/HĐ ngày 12 tháng 10 năm 2012. Hạn mức tín dụng của khoản vay này là 145 tỷ đồng (hạn mức có thể chuyển đổi sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Thời hạn rút vốn của Hợp đồng là từ ngày ký đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2013. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng 100 tỷ VND số dư hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 001/2012/HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2012 và tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 29/09/2012 trị giá 45.769.000 VND. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 144.845.462.023 VND.

(iv) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng thể hiện khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số DAN.DN.01.050612/TT/SĐBS.01 ngày 21/7/2012 với hạn mức vay là một khoản tiền bằng VND tương đương 441.671 USD theo tỷ giá ngoại tệ do Ngân hàng TMCP Á Châu công bố tại thời điểm giải ngân. Hợp đồng có thời hạn 06 tháng, từ 23 tháng 7 năm 2012 đến 23 tháng 01 năm 2013. Lãi suất tại thời điểm vay là 9.5% và điều chỉnh 03 tháng/lần trên cơ sở tiền USD gửi tiết kiệm có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Á Châu theo biên độ 7.8%. Khoản vay được đảm bảo bằng 30 tỷ VND hàng tồn kho. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 9.213.236.200 VND.

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải trả	-	9.500.945.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp	891.102.854	4.826.594.130
Thuế xuất nhập khẩu	53.020.016	34.220.930
Thuế khác	-	3.997.246
	<u>944.122.870</u>	<u>14.365.757.568</u>

## 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	2.460.735.948	6.525.158.781
Bà Phan Thị Thảo Sương	458.966.862	6.113.645.400
Ông Huỳnh Văn Tân	280.000.000	-
Công đoàn Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý	427.650.000	241.350.000
Phải trả khác	1.472.671.107	483.933.920
	<u>5.100.023.917</u>	<u>13.364.088.101</u>

## 14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (i)	51.825.149.414	87.881.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (ii)	43.054.426.392	73.484.269.592
- VND	28.399.845.592	45.199.845.592
- USD	14.654.580.800	28.284.424.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	28.756.000.000	-
Khoản vay đồng tài trợ (iv)	120.301.311.000	144.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT (v)	68.651.000.000	34.900.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT (v)	120.094.932.042	74.808.000.000
Ông Nguyễn Hữu Toàn (v)	34.809.403.000	-
Ông Hồ Tin Nghĩa (v)	24.107.204.258	-
	<u>491.599.426.106</u>	<u>415.073.269.592</u>

- (i) Khoản vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty) là khoản vay theo thỏa thuận với hạn mức tối thiểu là 85.000.000.000 VND trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2011. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại cùng thời điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 100/2012/BB-HĐQT ngày 15 tháng 8 năm 2012 thống nhất trả lãi vay theo đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi là 14%/năm đến tháng 12 năm 2012. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo số dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Số dư của khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 51.825.149.414 VND.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 157/2009/HĐTD ngày 19/5/2009 cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với Công ty với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 19/9/2009. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 0,875%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh hàng năm tại hai thời điểm là ngày 30/6 và ngày 31/12 theo quy định lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm. Số dư của khoản vay này tại ngày 31/12/2012 là 28.399.845.592 VND và 703.600 USD tương đương 14.654.580.800 VND.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số DAN.DN.03.050612/TT ngày 08/6/2012 nhằm bổ sung, bù đắp vốn thiếu hụt khi đầu tư Dự án Nhà máy luyện cán thép công suất 200.000 tấn/năm với số tiền là 50 tỷ VND.  
Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 08/6/2012. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; đồng thời khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định tại hợp đồng này/khế ước nhận nợ, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi đã điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do Ngân hàng TMCP Á Châu quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số B15, B16, B17, B18 tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và một số máy móc thiết bị theo hợp đồng số DAN.BĐDN.03.050612/TT. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 31/12/2012 là 28.756.000.000 VND.
- (iv) Khoản vay từ các Ngân hàng đồng tài trợ: Ngày 17/8/2010, các Ngân hàng đồng tài trợ (bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng là Ngân hàng đầu mối) cùng ký kết Hợp đồng tài trợ số 01/2010/NHTM-HĐTD để tài trợ vốn cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 200.000 tấn/năm giai đoạn 2 với Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý với số tiền là 145 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên (ngày 16/9/2010). Lãi suất của khoản vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau (bình quân của các bên đồng tài trợ)



(v) + 4,5%/năm, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay tối đa từng thời kỳ theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có) hoặc chỉ đạo của hội sở chính các bên tham gia đồng tài trợ. Lãi suất được điều chỉnh mỗi năm 4 lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/12. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm và Công ty cam kết sử dụng nguồn khấu hao và lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh của Dự án để ưu tiên trả nợ cho khoản vay. Số dư của khoản vay này tại ngày 31/12/2012 là 120.301.311.000 VND.

(vi) Khoản vay dài hạn từ ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Nguyễn Hữu Toàn là khoản vay nhằm huy động vốn bổ sung cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm theo Biên bản Hợp Hội đồng Quản trị số 71/2012/BB-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2011, và Biên bản số 98/2012/BB-HĐQT ngày 02 tháng 2 năm 2012. Theo nội dung thống nhất giữa các thành viên trong Hội đồng Quản trị, để giảm áp lực về lãi vay trong giai đoạn đầu tư cho Dự án, ông Huỳnh Văn Tân và bà Phan Thị Thảo Sương đồng ý chuyển một phần dư nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi sang nợ dài hạn của ông Tân và bà Sương với thời hạn vay nợ là 24 tháng. Khoản dư nợ này cùng với khoản cho vay thêm tạm thời không tính lãi cho đến hết tháng 6 năm 2012. Ngày 10 tháng 4 năm 2012, ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Nguyễn Hữu Toàn thống nhất cho vay thêm mỗi thành viên 20 tỷ đồng để bổ sung cho dự án tại Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 80/2012/BB-HĐQT. Ngày 15 tháng 8 năm 2012, theo thống nhất tại Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 100/2012/BB-HĐQT, các thành viên Hội đồng Quản trị thống nhất gia hạn thời hạn không tính lãi đối với khoản vay này đến hết tháng 12 năm 2012. Công ty có thể luân chuyển trả nợ cho khoản vay này khi có nguồn thu và vay lại khi có nhu cầu để giảm bớt áp lực lãi vay.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	69.628.731.800	50.455.784.000
Trong năm thứ hai	67.414.694.592	71.863.680.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	354.555.999.714	292.753.805.592
	<b><u>491.599.426.106</u></b>	<b><u>415.073.269.592</u></b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	69.628.731.800	50.455.784.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>421.970.694.306</u></b>	<b><u>364.617.485.592</u></b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Thặng dư		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Vốn điều lệ	vốn cổ phần						
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	200.000.000.000	37.175.100.000	(423.801.274)	8.395.287.553	8.395.287.553	-	84.584.077.622	338.125.951.454
Tăng khác	-	-	7.046.140.333	-	-	-	-	7.046.140.333
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	51.783.171.352	51.783.171.352
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(6.622.339.059)	-	-	-	(803.920.470)	(7.426.259.529)
Tại ngày 01/01/2012	200.000.000.000	37.175.100.000	-	8.395.287.553	8.395.287.553	-	95.563.328.504	349.529.003.610
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	10.203.450.339	10.203.450.339
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	2.589.158.567	2.589.158.567	(5.178.317.134)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>37.175.100.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>8.395.287.553</u></b>	<b><u>10.984.446.120</u></b>	<b><u>2.589.158.567</u></b>	<b><u>98.088.461.709</u></b>	<b><u>357.232.453.949</u></b>

## Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/12/2010, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2012		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi)	80.400.000.000	40,20	80.400.000.000	40,20	80.400.000.000	40,20
Các cổ đông khác	119.600.000.000	59,80	119.600.000.000	59,80	119.600.000.000	59,80
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

## Trích lập các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 85/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2012, Công ty đã thông qua phương án trích lập các quỹ năm 2011 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 2.589.158.567 VND
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 2.589.158.567 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.500.000.000 VND

Các khoản trích lập các quỹ nêu trên đã được Công ty thực hiện trích và ghi nhận trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 85/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2012, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2011 với tỷ lệ 30% tương đương số tiền là 60 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2012, Công ty vẫn chưa được UBCK phê duyệt phương án chia cổ tức, theo đó chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

## Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2012	31/12/2011
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)</b>	<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
<i>Cổ phiếu thường (cổ phiếu)</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

## 16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thép; các hoạt động liên quan đến cung cấp sản phẩm và dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh sản phẩm chính thép và chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh thép và các dịch vụ phụ trợ nêu trên. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 18.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.234.884.667.475</b>	<b>1.043.002.017.653</b>
+ Doanh thu bán hàng	1.234.851.322.475	1.042.951.235.653
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.345.000	50.782.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>16.394.924.500</b>	<b>539.971.036</b>
+ Hàng bán bị trả lại	16.322.924.500	491.707.600
+ Giảm giá hàng bán	72.000.000	48.263.436
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.218.489.742.975</u></b>	<b><u>1.042.462.046.617</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	1.138.937.077.705	920.935.330.800
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
	<b><u>1.138.937.077.705</u></b>	<b><u>920.935.330.800</u></b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.402.740.803.222	982.683.527.643
Chi phí nhân công	44.526.885.732	30.240.006.528
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.566.501.085	25.261.579.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.705.037.257	80.549.865.502
Chi phí bằng tiền khác	23.692.688.802	18.854.079.537
	<b><u>1.529.231.916.098</u></b>	<b><u>1.137.589.058.889</u></b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	76.181.853	852.021.736
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.180.583.089	2.505.499.498
Cổ tức được chia từ PST Đà Nẵng	112.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.553.374.395	1.645.696.890
	<b><u>3.922.139.337</u></b>	<b><u>5.003.218.124</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	51.875.719.709	42.346.612.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.759.584.151	8.733.541.724
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.377.862.181	138.979.818
	<b><u>56.013.166.041</u></b>	<b><u>51.219.134.381</u></b>

## 22. THU NHẬP KHÁC

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.833.125.503	5.719.452.728
Hàng phế liệu nhập thừa từ nhà cung cấp	-	2.016.645.549
Thu nhập khác	448.865.036	452.282.000
	<b>6.281.990.539</b>	<b>8.188.380.277</b>

## 23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	12.594.264.598	59.825.798.441
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	112.000.000	-
<i>Cổ tức được thông báo từ công ty liên kết</i>	<i>112.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	648.297.024	876.197.688
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát</i>	<i>120.000.000</i>	<i>120.000.000</i>
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>528.297.024</i>	<i>756.197.688</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>13.130.561.622</b>	<b>60.701.996.129</b>
Thu nhập từ hoạt động chính được ưu đãi	7.134.609.172	57.062.975.546
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	5.995.952.450	2.775.546.686
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.282.640.406</b>	<b>15.175.499.032</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	891.826.146	7.132.871.943
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.390.814.259</b>	<b>8.042.627.089</b>

(\*) Đối với hoạt động chính là sản xuất các loại thép xây dựng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000074 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho hai năm tiếp theo. Năm 2009 và 2010 là 2 năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất ưu đãi, do đó, từ năm 2011, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp (tương đương với mức thuế suất 12,5%). Năm 2012 là năm cuối cùng Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 12,5%.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

## 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.203.450.339	51.783.171.352
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	510	2.589

## 25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH



## Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.045.510.682.306	796.864.420.384
Trừ: tiền và các khoản tương đương tiền	8.676.948.473	54.832.362.923
Nợ thuần	1.036.833.733.833	742.032.057.461
Vốn chủ sở hữu	357.232.453.949	349.529.003.610
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>2,90</b>	<b>2,12</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.676.948.473	54.832.362.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.956.300.060	85.700.223.647
Đầu tư dài hạn	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>187.233.248.533</u></b>	<b><u>142.132.586.570</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	168.708.904.043	316.376.515.017
Chi phí phải trả	1.453.111.607	541.852.868
Các khoản vay	1.045.510.682.306	796.864.420.384
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.215.672.697.956</u></b>	<b><u>1.113.782.788.269</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

## Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro vì sau khi Ban Giám đốc xem xét và đánh giá chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể vượt quá chi phí tiềm tàng do các biến động về tỷ giá và lãi suất của các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	90.548.188.937	322.231.841.900	74.753.807.140	82.937.152.860
Đô la Hồng Kông (HKD)	2.962.537.739	2.947.844.426	-	-
	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	90.548.188.937	322.231.841.900	74.753.807.140	82.937.152.860
Đô la Hồng Kông (HKD)	2.962.537.739	2.947.844.426	-	-

#### Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Đô la Mỹ	789.719.090	11.964.734.452
	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Đô la Mỹ	789.719.090	11.964.734.452

### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

### *Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi

suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ tăng/giảm 9.922.569.603 đồng (2011: 8.356.352.454 đồng).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u>
	<u>cơ bản</u>	<u>nhuận trước thuế</u>
		<u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	(9.922.569.603)
VND	-200	9.922.569.603
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	200	(8.356.352.454)
VND	-200	8.356.352.454

### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.676.948.473	-	8.676.948.473
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.956.300.060	-	176.956.300.060
Đầu tư dài hạn	1.600.000.000	-	1.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.233.248.533</b>	<b>-</b>	<b>187.233.248.533</b>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	168.708.904.043	-	168.708.904.043
Các khoản phải trả	1.453.111.607	-	1.453.111.607
Các khoản vay	623.539.988.000	421.970.694.306	1.045.510.682.306
<b>Tổng cộng</b>	<b>793.702.003.650</b>	<b>421.970.694.306</b>	<b>1.215.672.697.956</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(606.468.755.117)</b>	<b>(421.970.694.306)</b>	<b>(1.028.439.449.423)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.832.362.923	-	54.832.362.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.700.223.647	-	85.700.223.647
Đầu tư dài hạn	-	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>140.532.586.570</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>142.132.586.570</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	316.376.515.017	-	316.376.515.017
Các khoản phải trả	541.852.868	-	541.852.868
Các khoản vay	432.246.934.792	364.617.485.592	796.864.420.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>749.165.302.677</b>	<b>364.617.485.592</b>	<b>1.113.782.788.269</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(608.632.716.107)</b>	<b>(363.017.485.592)</b>	<b>(971.650.201.699)</b>

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với cơ cấu nguồn vốn phù hợp, bao gồm kế hoạch tiếp tục huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các cổ đông. Bên cạnh đó, cùng với việc hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dây chuyền sản xuất mới đầu tư, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty.

## 26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:



	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
<b>Mua hàng hóa</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	119.461.431.059	262.019.764.065
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	12.940.631.315	9.326.121.835
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	22.461.872.912	76.868.706.724
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	1.896.702.000	1.338.035.000
<b>Bán hàng hóa</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	62.808.387.224	7.928.404.260
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	67.194.500.749	22.184.960.001
	<u>2012</u> VND	<u>2011</u> VND
<b>Vay dài hạn trong năm</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	38.504.849.414	-
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT	39.351.000.000	74.808.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT	67.263.932.042	34.900.000.000
Ông Nguyễn Hữu Toàn - Thành viên HĐQT	34.109.403.000	-
Ông Hồ Nghĩa Tín - thành viên HĐQT	27.007.204.258	-
<b>Trả gốc vay trong năm</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	62.465.000.000	121.082.289.840
<b>Lãi vay phát sinh trong năm</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	8.077.147.072	4.700.461.959
<b>Cô tức nhận được</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	121.000.000	-
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>	1.300.388.923	1.487.720.225

Số dư với các biên liên quan như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Phải thu thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	31.178.269.475	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	18.833.014.254	981.795.100
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	-	13.726.901.835
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	2.029.640.845	300.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	-	-
<b>Phải trả thương mại</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	27.697.522.548	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	528.270.000	85.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	5.979.811.243	4.310.940.776
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	2.368.828.355	1.567.804.290
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	-	29.766.000.000
<b>Vay dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	51.825.149.414	87.881.000.000
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT	68.651.000.000	34.900.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT	120.094.932.042	74.808.000.000
Ông Hồ Nghĩa Tín - Thành viên HĐQT, TGD	24.107.204.258	-
Ông Nguyễn Hữu Toàn - Thành viên HĐQT	34.809.403.000	-
<b>Phải trả phải nộp khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	2.460.735.948	6.525.158.781
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT	280.000.000	-

## 27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(Đã ký)

(Đã ký)

\_\_\_\_\_  
**Trần Mai Thị Bé Liệu**  
**Kế toán trưởng**  
**Người lập biểu**

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

\_\_\_\_\_  
**Hồ Nghĩa Tín**  
**Tổng Giám đốc**

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA-Ý  
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 04 năm 2013**